

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

HƯỚNG DẪN

GỬI NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ QUA TRỰC LIÊN THÔNG VĂN BẢN
QUỐC GIA

*Triển khai trực liên thông văn bản Quốc gia chia sẻ, tích hợp dữ liệu giữa
Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành địa phương*

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KẾT NỐI LIÊN THÔNG

(Giai đoạn thử nghiệm)

Hà Nội, tháng 9/2018

MỤC LỤC

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC HÌNH VẼ, BẢNG BIỂU	4
I. TỔNG QUAN	5
1.1. Căn cứ xây dựng tài liệu	5
1.2. Mục đích tài liệu	5
1.3. Phạm vi và đối tượng áp dụng	5
II. MÔ HÌNH KẾT NỐI	6
2.1. Mô hình kết nối liên thông qua mạng số liệu chuyên dùng	6
2.2. Các bước thực hiện kết nối liên thông dữ liệu	6
2.3. Danh sách các luật cần mở firewall	7
III. ĐẶC TẢ API LIÊN THÔNG	8
3.1. Danh sách API liên thông	8
3.1.1. Lấy danh sách đơn vị liên thông – getAgenciesList	8
3.1.2. Đăng ký đơn vị liên thông - registerAgency	8
3.1.3. Xóa đơn vị liên thông – deleteAgency	8
3.1.4. Lấy danh sách gói tin edoc hoặc status – getReceivedEdocList	9
3.1.5. Lấy danh sách trạng thái gửi văn bản – getSentEdocList	9
3.1.6. Lấy văn bản edoc hoặc gói tin trạng thái getEdoc	10
3.1.7. Gửi văn bản hoặc gói tin trạng thái – sendEdoc	10
3.1.8. Hàm cập nhật trạng thái – updateStatus	11
3.1.9. Danh sách trạng thái kỹ thuật cần cập nhật qua hàm updateStatus	12
3.2. Khai báo tham số kết nối SDK	12
3.2.1. SDK kết nối liên thông (Phiên bản Java).	12
3.2.2. SDK kết nối liên thông (Phiên bản.NET)	13
IV. HƯỚNG DẪN VỀ GÓI TIN LIÊN THÔNG VĂN BẢN	16
4.1. Hướng dẫn về thông điệp	16
4.2. Nghiệp vụ gửi nhận văn bản điện tử	16
4.2.1. Mô tả luồng	16
4.2.2. Mô tả API, tham số kết nối đơn vị gửi	16
4.2.3. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	17
4.3. Nghiệp vụ cập nhật văn bản	18
4.3.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi	18
4.3.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	19
4.4. Nghiệp vụ lấy lại	21
4.4.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi	21
4.4.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	22
4.5. Nghiệp vụ thu hồi văn bản bằng văn bản thu hồi	23
4.5.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi	24
4.5.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	24

4.6. Nghiệp vụ thay thế văn bản	26
4.6.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi.....	26
4.6.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	27
4.7. Nghiệp vụ từ chối văn bản.....	29
4.7.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi.....	29
4.7.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	29
4.8. Nghiệp vụ gửi nhận trạng thái văn bản điện tử	31
4.8.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi.....	31
4.8.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận	32
4.9. Danh sách trạng thái chuẩn.....	33
V. ĐỊA CHỈ ĐẦU MỐI LIÊN HỆ HỖ TRỢ.....	35
PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN ĐẶC TẢ GÓI TIN LIÊN THÔNG DỮ LIỆU VĂN BẢN.....	36
I. Đặc tả gói tin edXML văn bản liên thông.....	36
1.1. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử mới.....	55
1.2. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử cập nhật.....	55
1.3. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử thay thế	55
1.4. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử thu hồi.....	55
II. Đặc tả gói tin edXML trạng thái liên thông.....	56
2.1. Mẫu gói tin Từ chối văn bản điện tử	60
2.2. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Đã đến.....	60
2.3. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Tiếp nhận	60
2.4. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Phân công	61
2.5. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Đang xử lý	61
2.6. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Hoàn thành	61
2.7. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Lấy lại	61
2.8. Mẫu gói tin trạng thái đồng ý tiếp nhận yêu cầu lấy lại/cập nhật văn bản điện tử.....	61
2.9. Mẫu gói tin trạng thái từ chối tiếp nhận yêu cầu lấy lại/cập nhật văn bản điện tử.....	62
PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG THỨC THƯỜNG SỬ DỤNG THƯ VIỆN EdXML	63
I. Danh sách các phương thức thư viện EdXML phiên bản Java.....	63
II. Danh sách các phương thức thư viện EdXML phiên bản.NET	70

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ	Ý Nghĩa
1.	VPCP	Văn Phòng Chính Phủ
2.	BĐTƯ	Bưu Điện Trung Ương
3.	BNĐP	Bộ Ngành Địa Phương
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	eDoc	Văn bản điện tử
6.	QLVB	Phần mềm Quản lý văn bản
7.	VBĐT	Văn bản điện tử
8.	SS	Security Server – máy chủ bảo mật theo kiến trúc phân tán
9.	CA	Certificate Authority – xác thực điện tử
10.	TSA	Time Stamping Authority- gán nhãn thời gian phục vụ xác thực dữ liệu
11.	OCSP	Online Certificate Status Protocol - giao thức để kiểm tra tình trạng hợp lệ của một thư số SSL ở thời gian thực
12.	QĐ	Quyết định
13.	eDocLocalAdaper	Phần mềm liên thông văn bản được cài đặt tại BNĐP
14.	SDK	Software Development Kit – Thư viện, chuẩn giao tiếp kết nối
15.	SDK1.0	Software Development Kit 1.0: bộ thư viện tích hợp với PMQLVB để liên thông với trực thử nghiệm 1.0 cũ
16.	SDK2.0	Software Development Kit 2.0: bộ thư viện tích hợp với PMQLVB để liên thông với trực VXP
17.	VXP	Nền tảng trao đổi liên thông chia sẻ dữ liệu theo mô hình phân tán

DANH MỤC HÌNH VẼ, BẢNG BIỂU

STT	Hình vẽ/ Bảng	Ý nghĩa
1.		Hình 1: Mô hình kết nối liên thông qua mạng SLCD
2.		Hình 2: Import thư viện SDK phiên bản Java.
3.		Hình 3: Import thư viện SDK phiên bản .NET (edXML102)
4.		Hình 4: Import thư viện SDK phiên bản .NET (XMLstatus102)
5.		Hình 5: Import thư viện SDK phiên bản .NET (edXML)
6.		Hình 6: Gửi nhận VBĐT - Luồng nghiệp vụ gửi nhận văn bản điện tử
7.		Hình 7: Gửi nhận VBĐT - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
8.		Hình 8: Cập nhật văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
9.		Hình 9: Cập nhật văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
10.		Hình 10: Lấy lại - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
11.		Hình 11: Lấy lại - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
12.		Hình 12: Thu hồi bằng văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
13.		Hình 13: Thu hồi bằng văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
14.		Hình 14: Thay thế - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
15.		Hình 14: Thay thế - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
16.		Hình 15: Từ chối - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
17.		Hình 16: Từ chối - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
18.		Hình 17: Gửi nhận trạng thái - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi
19.		Hình 18: Gửi nhận trạng thái - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận
20.		Hình 19: Đặc tả gói tin edXML văn bản liên thông
21.		Hình 20: Đặc tả gói tin edXML trạng thái liên thông

I. TỔNG QUAN

1.1. Căn cứ xây dựng tài liệu

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg về việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.
- QCVN 102:2016/BTTTT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

1.2. Mục đích tài liệu

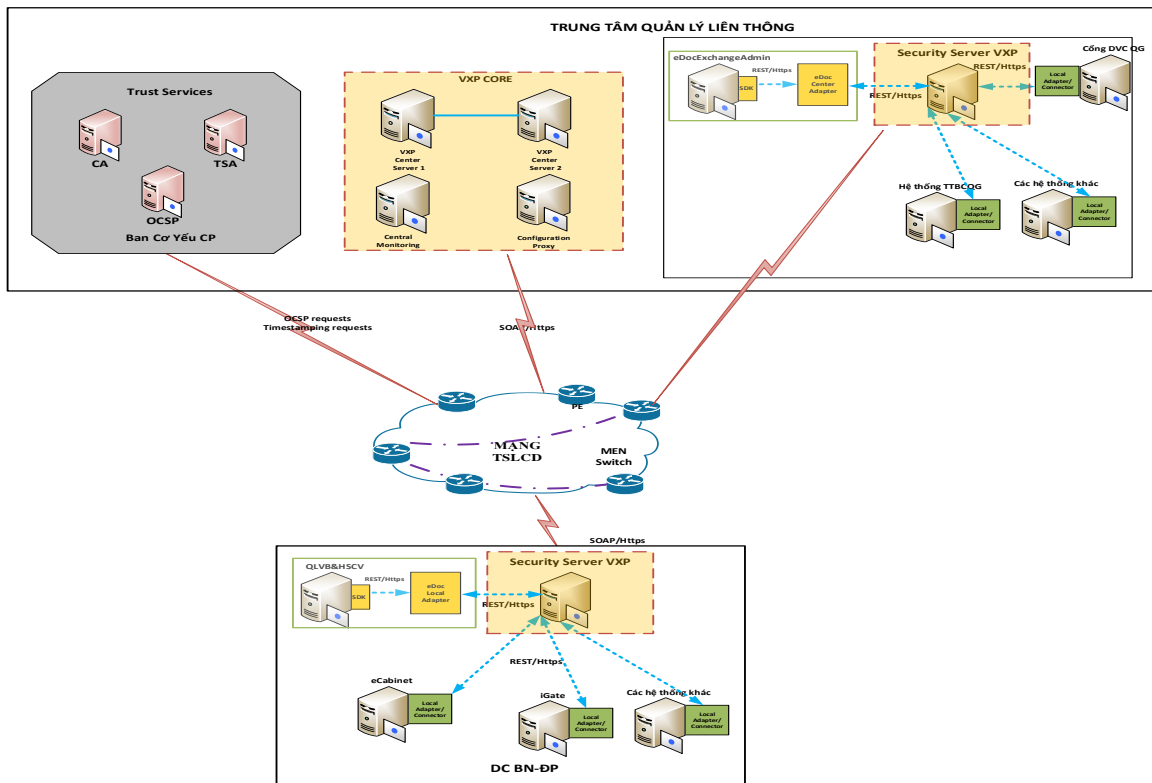
- Tài liệu này nhằm hướng dẫn các Bộ ngành địa phương thực hiện kết nối liên thông văn bản với trực liên thông văn bản quốc gia.

1.3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Tài liệu này được sử dụng bởi các kỹ thuật viên tích hợp kết nối liên thông văn bản với trực liên thông văn bản quốc gia.

II. MÔ HÌNH KẾT NỐI

2.1. Mô hình kết nối liên thông qua mạng số liệu chuyên dùng



Hình 3: Mô hình kết nối liên thông qua mạng SLCD

- Thực hiện triển khai máy chủ SS, eDocLocalAdapter của BN-ĐP trên hạ tầng do BN-ĐP quản lý, cấu hình tối thiểu máy chủ SS khuyến nghị như sau:
 - o Ubuntu 14.04 64-bit
 - o CPU 2 CORE
 - o 16 GB RAM
 - o 512 GB free HDD
 - o Network interfaces: 10/100 MbpsĐường dẫn download Ubuntu: <http://releases.ubuntu.com/14.04/ubuntu-14.04.5-server-amd64.iso>
- Tùy vào nhu cầu sử dụng của BN-ĐP tương ứng mà máy chủ bảo mật sẽ có cấu hình phù hợp
- Thực hiện cấu hình mạng kết nối máy chủ SS vào mạng SLCD
 - o Cấu hình IP kết nối mạng SLCD
 - o Phối hợp cục BDTW thông kết nối máy chủ SS đến các SS khác của BN-ĐP, VPCP và các kết nối khác được thực hiện trong quá trình triển khai.

2.2. Các bước thực hiện kết nối liên thông dữ liệu

- Bước 1: BN-ĐP liên hệ với VPCP để cấp tài khoản kết nối
- Bước 2: BN-ĐP cung cấp thông tin kết nối máy chủ SS để cài đặt, cấu hình.

- Bước 3: BN-ĐP sử dụng SDK, thư viện EdXML 102, code mẫu theo từng phiên bản Java/.NET để kết nối liên thông dữ liệu đến các BN-ĐP khác hoặc VPCP. (Chi tiết sử dụng SDK tại mục “3.2. Khai báo tham số kết nối SDK”.)
- Bước 4: BN-ĐP gửi văn bản xác nhận kết nối thành công và thực hiện đầy đủ các quy trình liên thông dữ liệu được nêu tại mục “IV. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN GÓI TIN LIÊN THÔNG VĂN BẢN”.

2.3. Danh sách các luật cần mở firewall

- Danh sách các luật cần mở firewall trong quá trình triển khai kết nối liên thông giữa BN-ĐP với nền tảng tích hợp, chia sẻ liên thông.

STT	IP nguồn	IP đích	Port đích	Mục đích
1	IP máy chủ SS đặt tại BN-ĐP	10.0.14.227	80, 5577, 8888	Kết nối đến CS lấy cấu hình, truy vấn phản hồi TSA, OCSP, repository
2	IP máy chủ SS đặt tại BN-ĐP	10.0.14.228	5500, 4001, 80, 443	Kết nối gửi/nhận dữ liệu liên thông, trao đổi dữ liệu bảo mật với VPCP
3	IP máy chủ SS đặt tại BN-ĐP	IP máy chủ SS đặt tại BN-ĐP	5500, 4001, 80, 443	Kết nối gửi/nhận dữ liệu liên thông, trao đổi dữ liệu bảo mật
4	IP máy chủ SS đặt tại BN-ĐP	10.0.14.227	123	Kết nối đồng bộ thời gian NTP

2.4. Cấp chứng thư của Ban cơ yếu chính phủ

- Các bộ ngành địa phương khi cài đặt máy chủ bảo mật SS xong, sẽ cần gửi yêu cầu (CSR file) từ SS của mình lên trung tâm điều hành trực liên thông quốc gia để xin cấp chứng thư số của Ban cơ yếu chính phủ.
- Sau khi Ban cơ yếu xét duyệt, sẽ gửi lại cho BN-ĐP một chứng thư số xác thực việc đăng ký.
- Sử dụng chứng thư số này của Ban cơ yếu, máy chủ SS của BN-ĐP đã có thể tham gia sử dụng, đăng ký dịch vụ trên trực liên thông quốc gia

III. ĐẶC TẢ API LIÊN THÔNG

3.1. Danh sách API liên thông

3.1.1. Lấy danh sách đơn vị liên thông – getAgenciesList

- Đầu vào

getAgenciesList					
getAgenciesList (String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders		{ }		

- Đầu ra

Thành công	Lỗi
<pre>{ "data": [{ "code": "000.00.04.H14", "name": "BQL Khu kinh tế tỉnh - Tỉnh Cao Bằng", "pid": "5b90e51b501c0a056a548363", "id": "5b90e51c501c0a056a548378" }, ... { "code": "01.01.H20", "name": "Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp", "pid": "5afd81d07cb17074db2306b5", "id": "5b51c33ce4b0057756a01361" }], "ErrorDesc": "Thanh cong", "ErrorCode": "0", "status": "OK" }</pre>	<pre>{ "ErrorDesc": "InvalidArgument", "ErrorCode": "-1", "status": "FAIL" }</pre>

3.1.2. Đăng ký đơn vị liên thông - registerAgency

- Đầu vào

registerAgency					
registerAgency (String jsonHeaders, String data)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders		{ }		
5	Data		<pre>{ "id": "", "pcode": "000.00.00.H26", "code": "000.00.01.H26", "name": "UBND HN", "mail": "sample@hanoi.gov.vn", "mobile": "09010101010", "fax": "0419293818" }</pre>	Thông tin đơn vị cần đăng ký	

- Đầu ra

Thành công	Lỗi
<pre>{ "status": "OK", "ErrorCode": "0", "ErrorDesc": "Thanh cong" }</pre>	<pre>{ "ErrorDesc": "InvalidArgument", "ErrorCode": "-1", "status": "FAIL" }</pre>

3.1.3. Xóa đơn vị liên thông – deleteAgency

- **Đầu vào**

deleteAgency					
deleteAgency (String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	AgencyCode	01.01.02.G22	Mã đơn vị hủy đăng ký	

- **Đầu ra**

Thành công	Lỗi
{ "status": "OK", "ErrorCode": "0", "ErrorDesc": "Thanh cong" }	{ "ErrorDesc": "InvalidArgument", "ErrorCode": "-1", "status": "FAIL" }

3.1.4. Lấy danh sách gói tin edoc hoặc status – getReceivedEdocList

- **Đầu vào**

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList (String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số service	
2		messagetype	edoc hoặc status	Loại văn bản edoc hoặc status	

- **Đầu ra**

Thành công	Lỗi
{ "data": [{ "serviceType": "eDoc", "created_time": "2018-09-18", "updated_time": "2018-09-25", "messagetype": "eDoc", "status_desc": "fail", "docId": "362d322a-8821-4029-a476-d4f55e87502c", "from": "000.00.11.G14", "to": "14.00.W00", "status": "fail" },], "ErrorDesc": "Thanh cong", "ErrorCode": "0", "status": "OK" }	{ "ErrorDesc": "InvalidArgument", "ErrorCode": "-1", "status": "FAIL" }

3.1.5. Lấy danh sách trạng thái gửi văn bản – getSentEdocList

- **Đầu vào**

getSentEdocList					
getSentEdocList (String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số service	
2		messagetype	edoc	Loại văn bản edoc hoặc status	

SendEdoc request					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	edoc	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb090.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

- Đầu ra

Thành công	Lỗi
{ "status": "OK", "ErrorCode": "0", "ErrorDesc": "Thanh công", "DocId": "5baa1b17f858a408ad3186d3" }	{ "ErrorDesc": "InvalidArgument", "ErrorCode": "-1", "status": "FAIL" }

- Danh sách mã lỗi của hàm sendEdoc

STT	ErrorCode	ErrorDesc
1	0	Thành công; Trường hợp danh sách đơn vị gửi có nhiều đơn vị đúng, nhiều đơn vị sai thì hệ thống trả về danh sách sai đi kèm trong trường này.
2	10	Lỗi validate các tham số như thiếu mã văn bản, ký hiệu văn bản, trùng đơn vị nhận
3	15	Đơn vị gửi không đúng hoặc chưa được đăng ký bởi đơn vị gửi.
4	18	Văn bản gửi đi bị trùng số ký hiệu, số văn bản, ngày gửi cho đơn vị nhận.
5	19	Văn bản gửi đi thiếu file đính kèm
6	20	Văn bản gửi đi vi phạm luật chặn spam (nếu được thiết lập) của trực quốc gia
7	21	Văn bản gửi đi vi phạm luật gửi nhận được khai báo (nếu được thiết lập) trên trực quốc gia
8	22	Lỗi ngày ban hành quá hạn (Theo tham số cấu hình thiết lập là 30 ngày)
9	23	Lỗi phát sinh trong quá trình xử lý

3.1.8. Hàm cập nhật trạng thái – updateStatus

- Đầu vào

updateStatus					
updateStatus (String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	docId	9abed169-76d2-462d-9f3c-b71954abc675	Id edxml văn bản đến	
2		status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	

- **Đầu ra**

Thành công	Lỗi
{"status": "OK", "ErrorCode": "0", "Error Desc": "Thanh cong"}	{ "ErrorDesc": "InvalidArgument" , "ErrorCode": "-1" , "status": "FAIL" }

3.1.9. Danh sách trạng thái kỹ thuật cần cập nhật qua hàm updateStatus

STT	Tên trạng thái	Ý nghĩa
1	processing	Đánh dấu gói tin đang xử lý lên trực trước khi lấy gói tin
2	done	Đánh dấu gói tin xử lý thành công
3	fail	Đánh dấu gói tin xử lý lỗi. (Trường hợp xử lý thất bại thực hiện đăng nhập bằng tài khoản web để cập nhật lại trạng thái khởi tạo để lấy lại gói tin)
4	initial	Đây là trạng thái khởi tạo trên trực

3.2. Khai báo tham số kết nối SDK

BN-ĐP thực hiện khai báo trên file cấu hình tham số properties đi cùng SDK:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Kiểu dữ liệu
1	Name	Tên trung tâm	String
2	maxConnection	Số kết nối tối đa	Int
3	maxErrorRetry	Số lần kết nối lại	Int
4	Endpoint	Điểm truy cập	String
5	Protocol	Phương thức truy cập	HTTP/HTTPS
6	SecretKet	Khóa bảo mật	String
8	StorePathDir	Đường dẫn lưu file	String

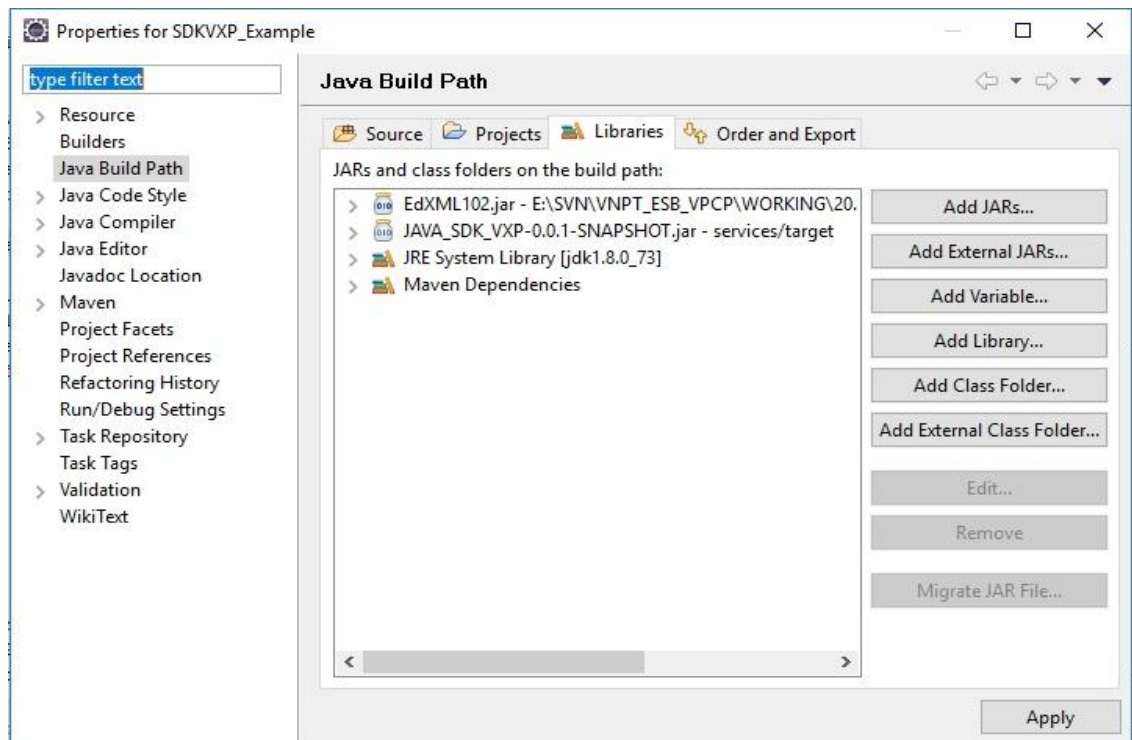
3.2.1. SDK kết nối liên thông (Phiên bản Java).

3.2.1.1. SDK edXML

Lưu ý chạy với JDK version 1.8

Thực hiện add thư viện edXML102 vào libraries và thực hiện import các gói cần thiết để sử dụng:

- SDKVXP-2.0.0.jar
- EdXML102-2.0.0.jar



Hình 4: Import thư viện SDK phiên bản Java.

3.2.1.2. Danh sách các phương thức thư viện edXML

Danh sách các phương thức thường được sử dụng để tạo gói tin EdXML và đọc gói tin EdXML tham khảo tại Phụ lục 02.

3.2.1.3. Các hàm mẫu sử dụng

Danh sách các hàm mẫu sử dụng để phát triển tích hợp liên thông tham khảo Project Code mẫu gửi kèm SDK

3.2.2. SDK kết nối liên thông (Phiên bản.NET).

3.2.2.1. Import thư viện edXML

a) Import EdXML102

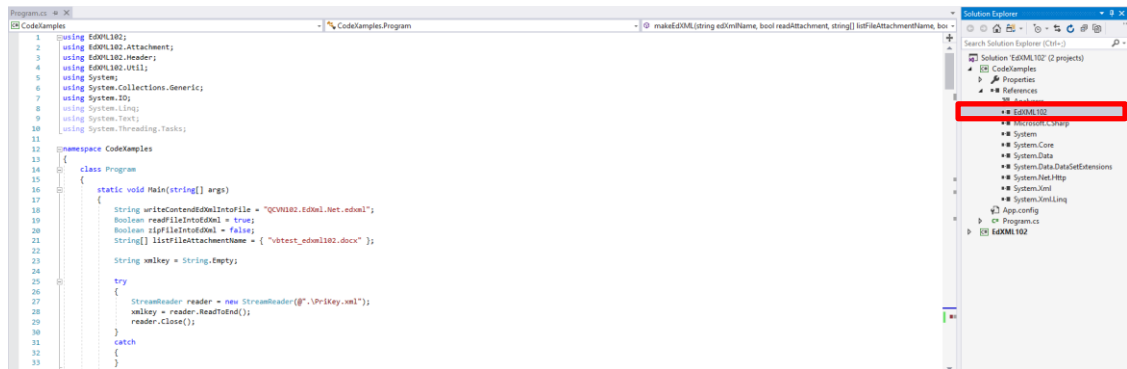
Thực hiện add thư viện EdXML102 vào References và thực hiện import các gói cần thiết để sử dụng:

```
using EdXML102;
```

```
using EdXML102.Attachment;
```

```
using EdXML102.Header;
```

```
using EdXML102.Util;
```



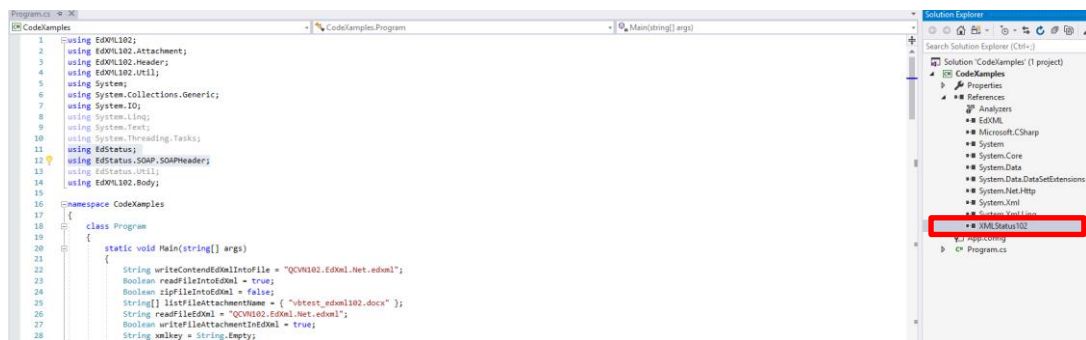
Hình 3: Import thư viện SDK phiên bản .NET (edXML102)

b) Thư viện XMLStatus102

Thực hiện add thư viện XMLStatus102 vào references và import các gói cần thiết để sử dụng.

```
using EdStatus;
```

```
using EdStatus.SOAP.SOAPHeader;
```



Hình 4: Import thư viện SDK phiên bản .NET (XMLstatus102)

3.2.2.2. SDK EdXml

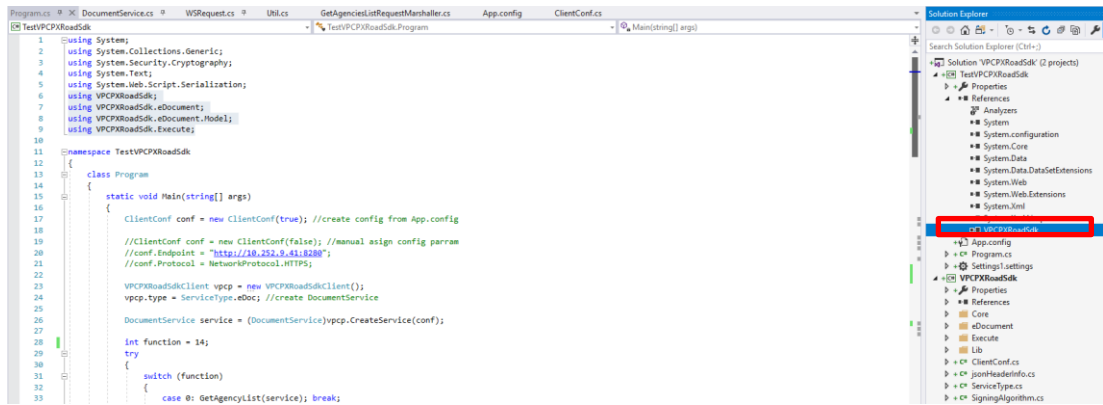
Thực hiện add thư viện VPCPVXPSdk vào References và thực hiện import các gói cần thiết để sử dụng:

```
using VPCPVXPSdk;
```

```
using VPCPVXPSdk.eDocument;
```

```
using VPCPVXPSdk.eDocument.Model;
```

```
using VPCPVXPSdk.Execute;
```



Hình 5: Import thư viện SDK phiên bản .NET (edXML)

3.2.2.3. Danh sách các phương thức của thư viện edXML

Danh sách các phương thức thường được sử dụng để tạo gói tin EdXML và đọc gói tin EdXML tham khảo tại Phụ lục 2.

3.2.2.4. Các hàm mẫu sử dụng

Danh sách các hàm mẫu sử dụng để phát triển tích hợp liên thông tham khảo Project Code mẫu gửi kèm SDK

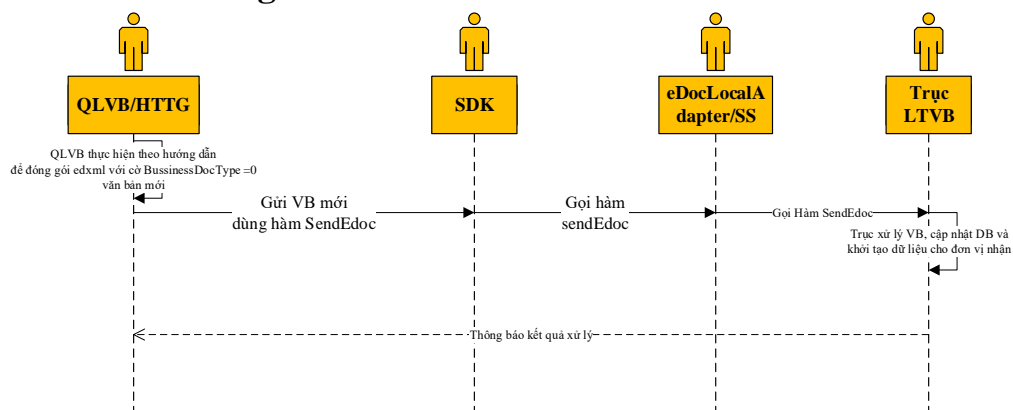
IV. HƯỚNG DẪN VỀ GÓI TIN LIÊN THÔNG VĂN BẢN

4.1. Hướng dẫn về thông điệp

STT	Gói tin	Loại gói tin	Tên file mẫu edXML	Ghi chú
1	Gói tin văn bản mới	edoc	“edoc_new.edxml”	Được sử dụng khi tạo mới VB gửi liên thông
2	Gói tin cập nhật	edoc	“edoc_update.edxml”	Được sử dụng khi cần cập nhật VB gửi liên thông
3	Gói tin thay thế	edoc	“edoc_replacement.edxml”	Được sử dụng khi thực hiện thay thế VB
4	Gói tin thu hồi	edoc	“edoc_revocation.edxml”	Được sử dụng khi thực hiện thu hồi VB bằng VB khác
5	Gói tin lấy lại	Status	“status_cancellation_13.edxml”	Được sử dụng khi thực hiện lấy lại 1 VB
6	Gói tin từ chối/đồng ý	Status	“status_change-rejection_16.edxml”/” status_change-acceptance_15.edxml”	Được sử dụng để từ chối/đồng ý khi cập nhật, thu hồi, lấy lại VB
7	Gói tin trạng thái	Status	“status_finish_06.edxml”, “status_inbox_01.edxml”, “status_processing_05.edxml”, “status_assignment_04.edxml”, status_acceptance_03.edxml”, “status_rejection_02.edxml”	Được sử dụng để liên thông trạng thái VB điện tử

4.2. Nghiệp vụ gửi nhận văn bản điện tử

4.2.1. Mô tả luồng



Hình 6: Gửi nhận VBĐT - Luồng nghiệp vụ gửi nhận văn bản điện tử

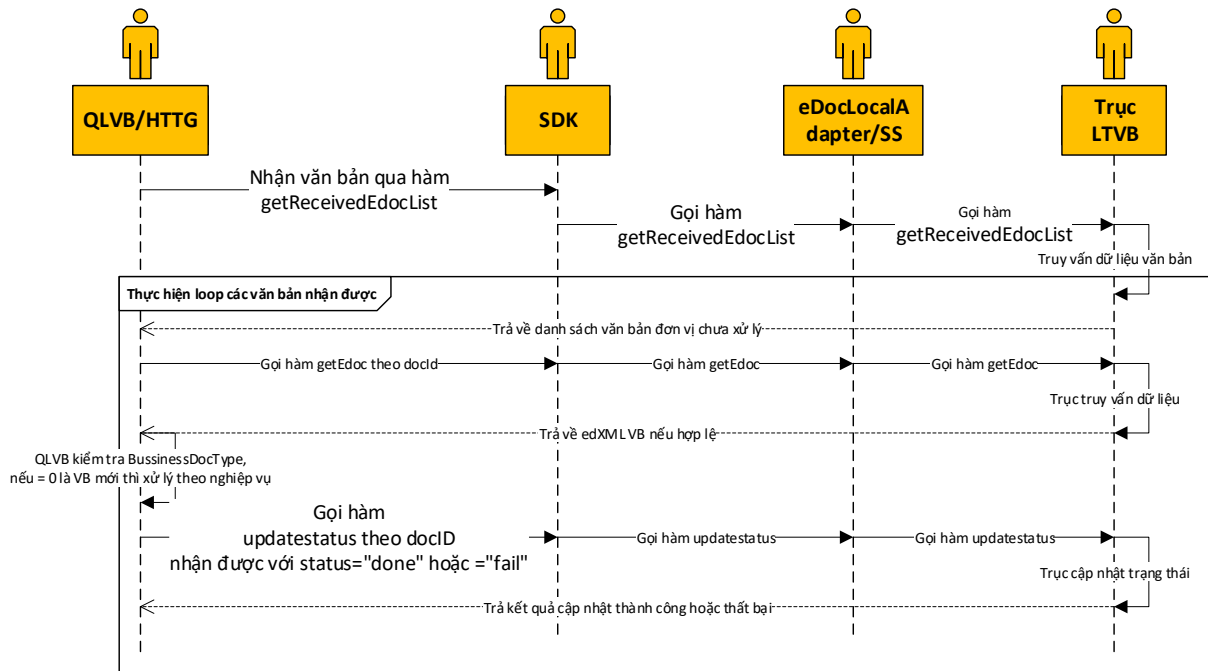
4.2.2. Mô tả API, tham số kết nối đơn vị gửi

Thực hiện gửi văn bản

SendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML - edoc_new.edxml					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	edoc	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb090.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.2.3. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.2.3.1. Mô tả luồng



Hình 7: Gửi nhận VBĐT - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.2.3.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các văn bản nhận

getReceivedEDocList					
getReceivedEDocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	edoc	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy văn bản

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML - edoc_new.edxml					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath		Thư mục lưu file edxml trên local	
3		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Lấy văn bản thành công update lại trạng thái văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

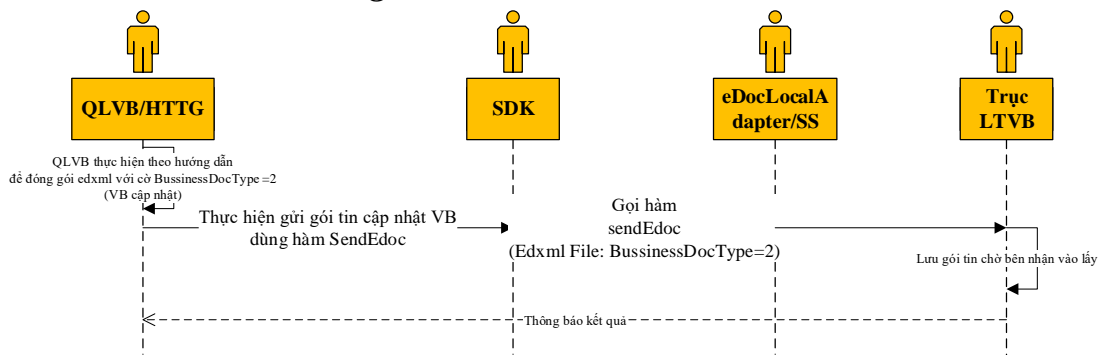
- Nếu có lỗi khi lấy văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

4.3. Nghiệp vụ cập nhật văn bản

4.3.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.3.1.1. Mô tả luồng



Hình 8: Cập nhật văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

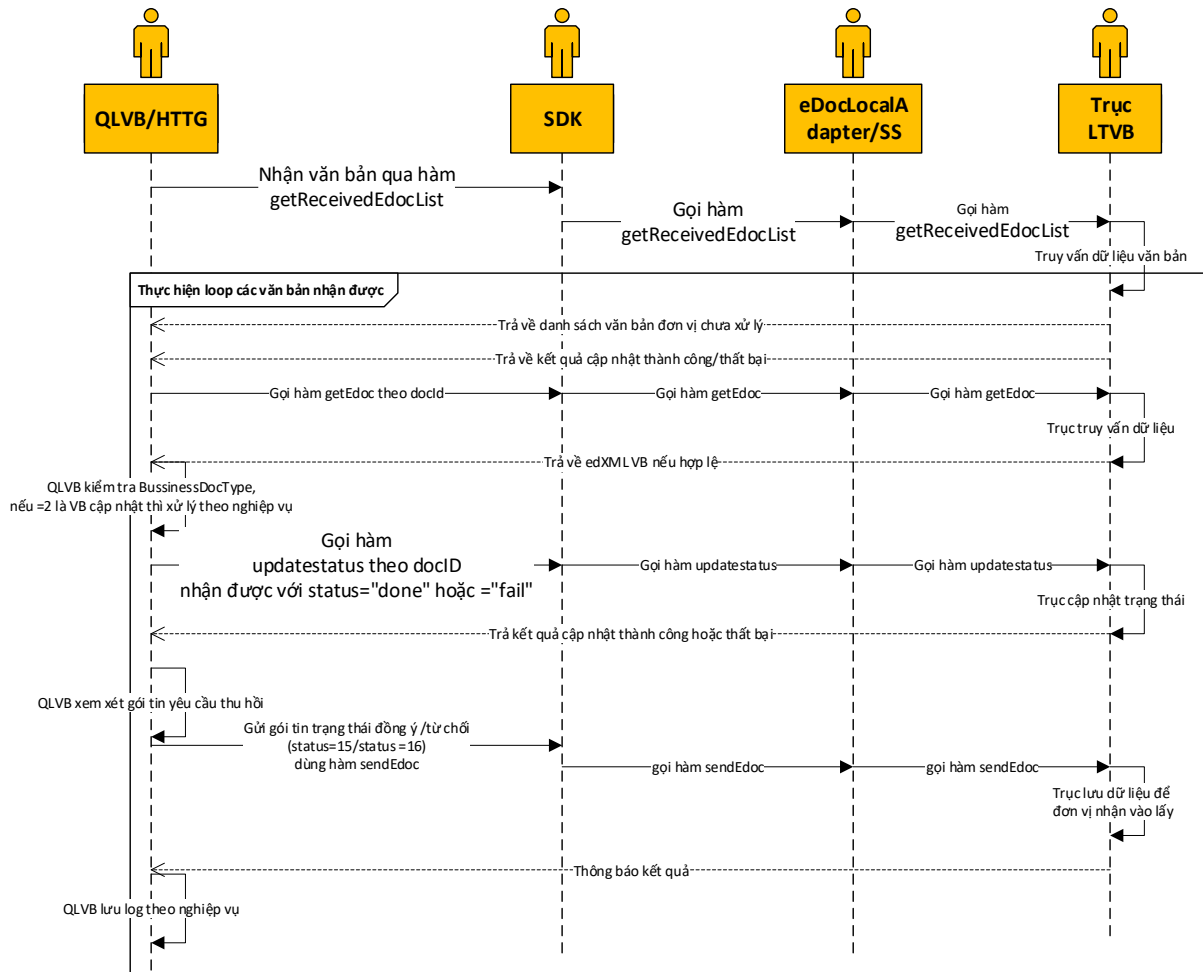
4.3.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Gửi văn bản

SendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML - edoc_update.edxml					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	edoc	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb091.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.3.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.3.2.1. Mô tả luồng



Hình 9: Cập nhật văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.3.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các văn bản nhận

getReceivedEDocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	edoc	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy văn bản

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML - edoc_update.edxml					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath	eDoc	Thư mục lưu file edxml trên local	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Lấy văn bản thành công update lại trạng thái văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Nếu có lỗi khi lấy văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Gửi gói tin trạng thái đồng ý/từ chối

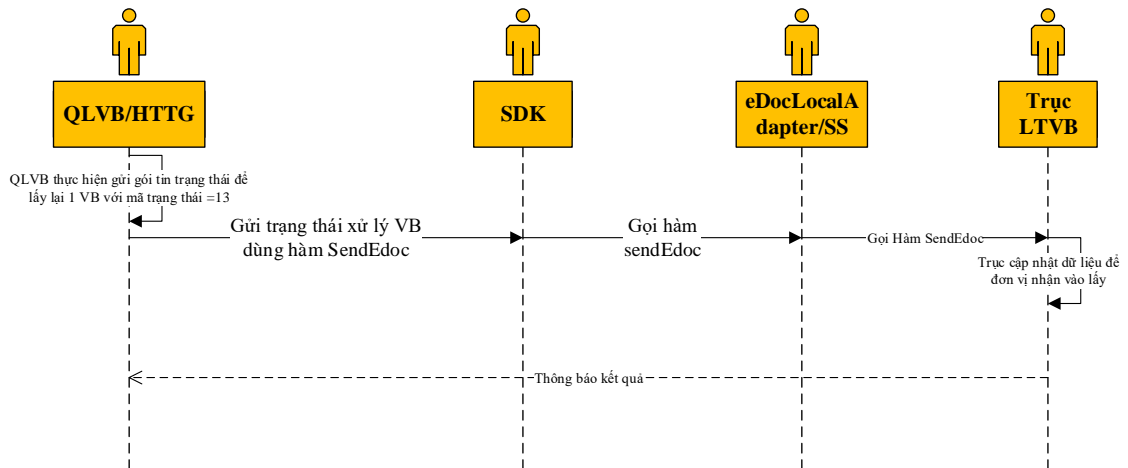
sendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					

Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “status_change-rejection_16.edxml”/” status_change-acceptance_15.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G14	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb094.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.4. Nghiệp vụ lấy lại

4.4.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.4.1.1. Mô tả luồng



Hình 10: Lấy lại - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

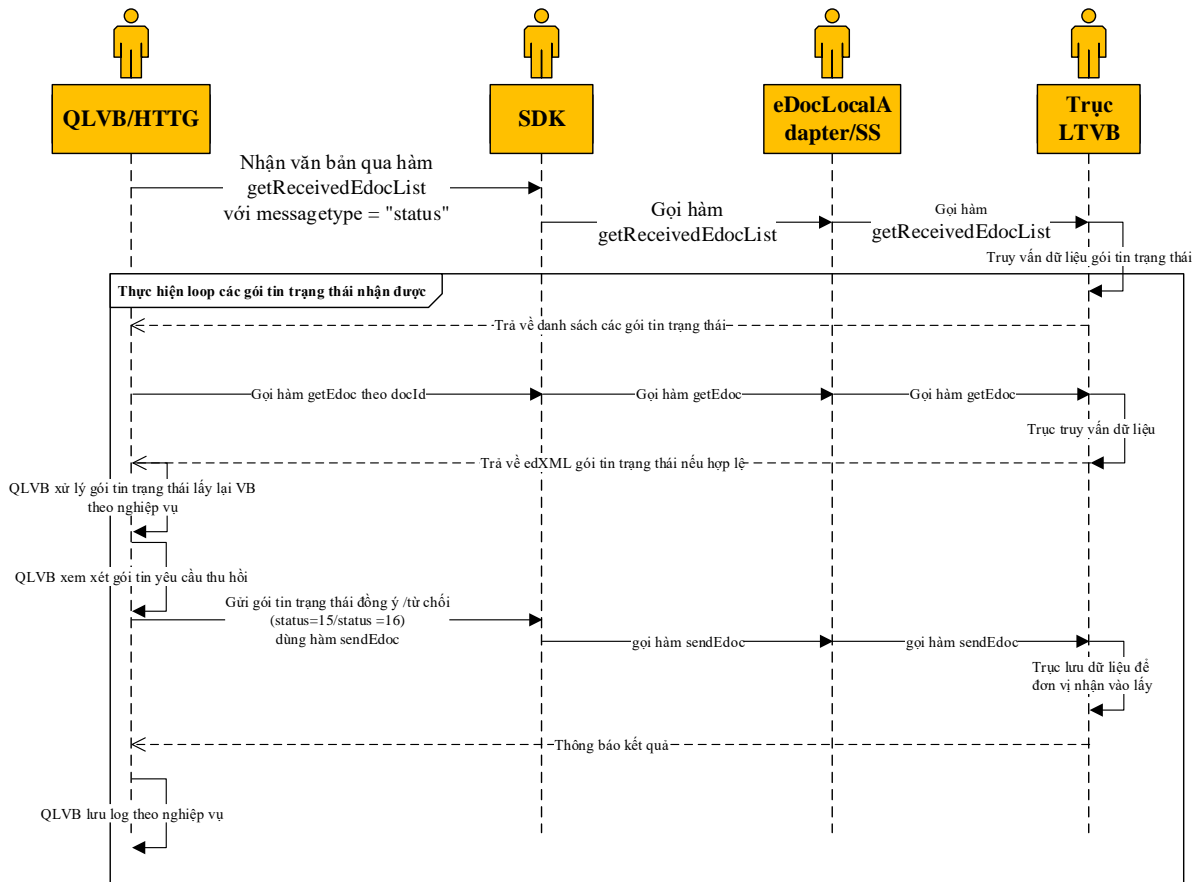
4.4.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Gửi gói tin trạng thái văn bản

SendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “status_cancellation_13.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
5	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb094.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.4.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.4.2.1. Mô tả luồng



Hình 11: Lấy lại - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.4.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các gói tin cần nhận

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	status	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy gói tin trạng thái

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “status - LayLai - 13.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath		Thư mục lưu file edxml trên local	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Xử lý gói tin trạng thái thành công update lại trạng thái gói tin

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Nếu có lỗi khi lấy gói tin trạng thái văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

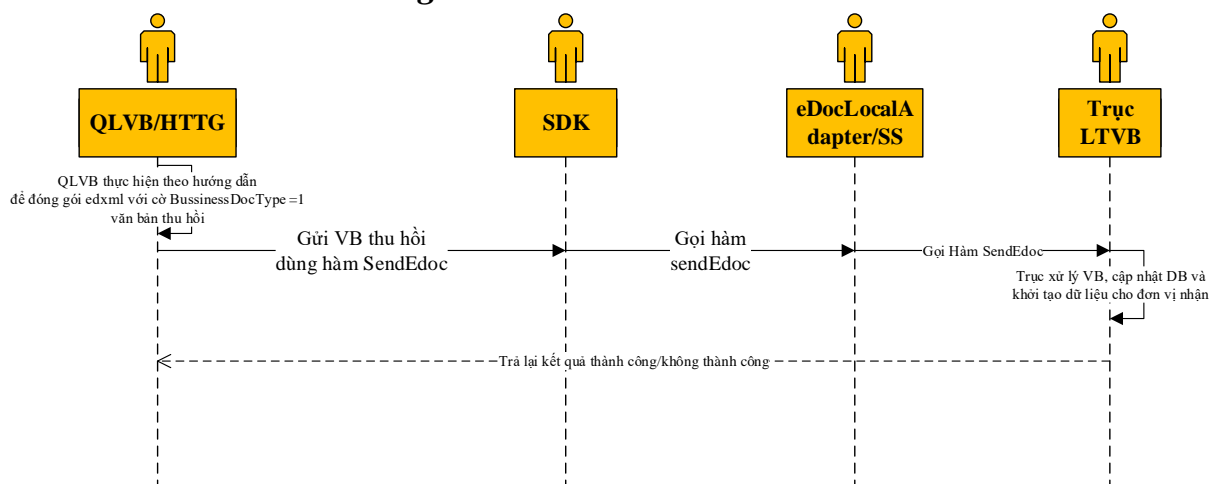
- Gửi gói tin trạng thái đồng ý/từ chối

SendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “status_change-rejection_16.edxml”/” status_change-acceptance_15.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G14	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb094.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.5. Nghiệp vụ thu hồi văn bản bằng văn bản thu hồi

4.5.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.5.1.1. Mô tả luồng



Hình 12: Thu hồi bằng văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

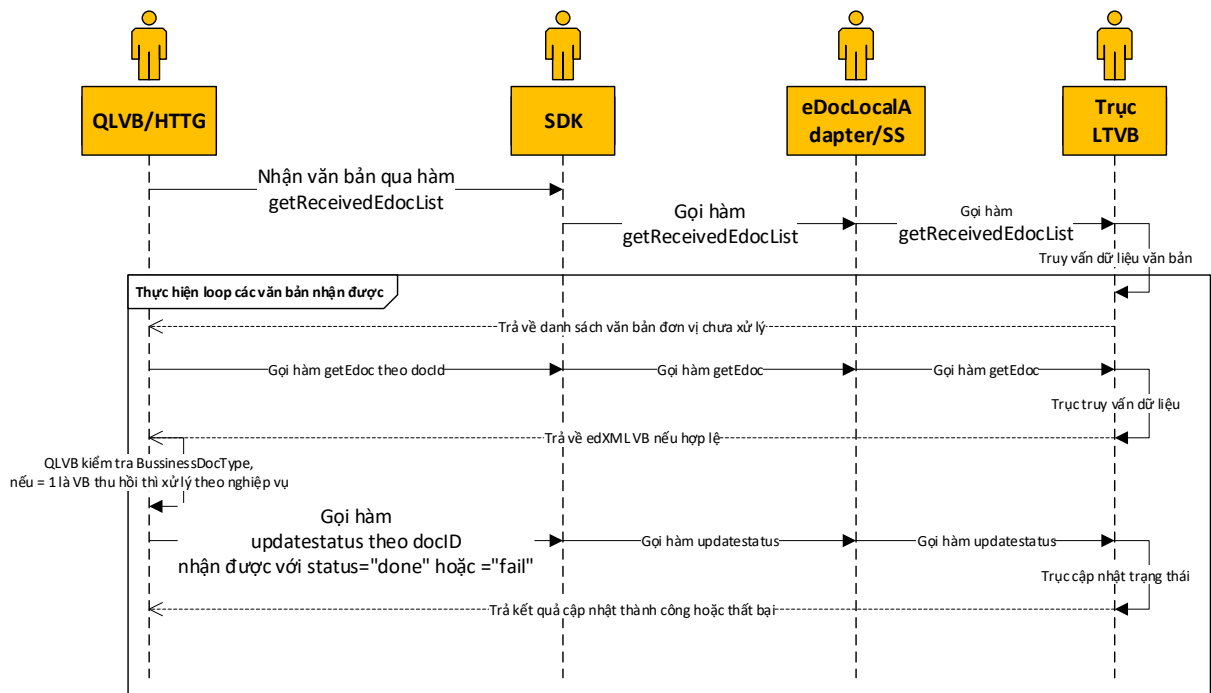
4.5.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Gửi văn bản

SendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “edoc_revocation.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	edoc	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb094.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.5.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.5.2.1. Mô tả luồng



Hình 13: Thu hồi bằng văn bản - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.5.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các văn bản nhận

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	Servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	edoc	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy văn bản

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “edoc_revocation.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath	eDoc	Thư mục lưu file edxml trên local	
3		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Lấy văn bản thành công update lại trạng thái văn bản

updateStatus	
updateStatus(String jsonHeaders)	

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

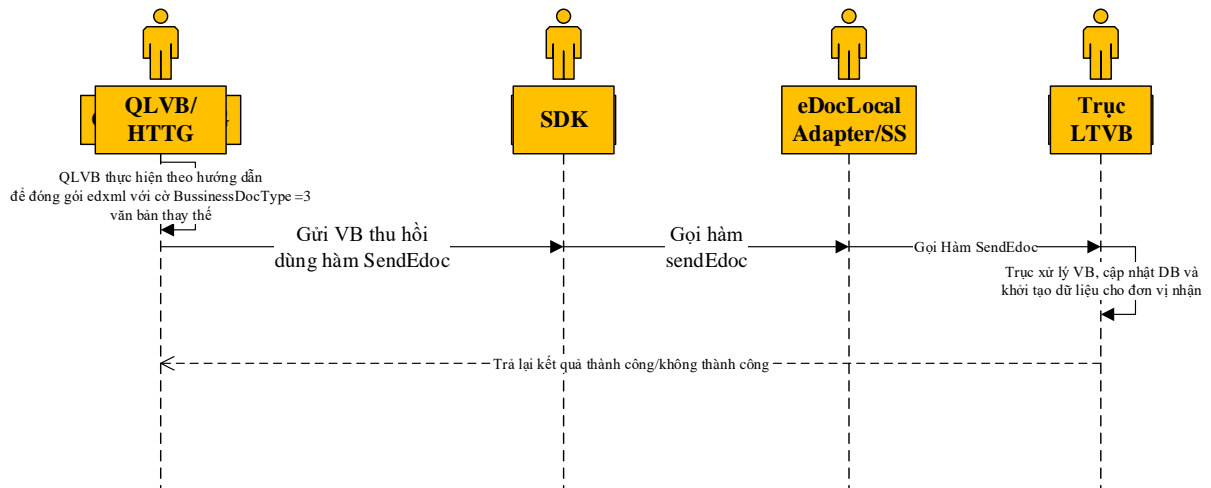
- Nếu có lỗi khi lấy văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

4.6. Nghiệp vụ thay thế văn bản

4.6.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.6.1.1. Mô tả luồng



Hình 14: Thay thế - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

4.6.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

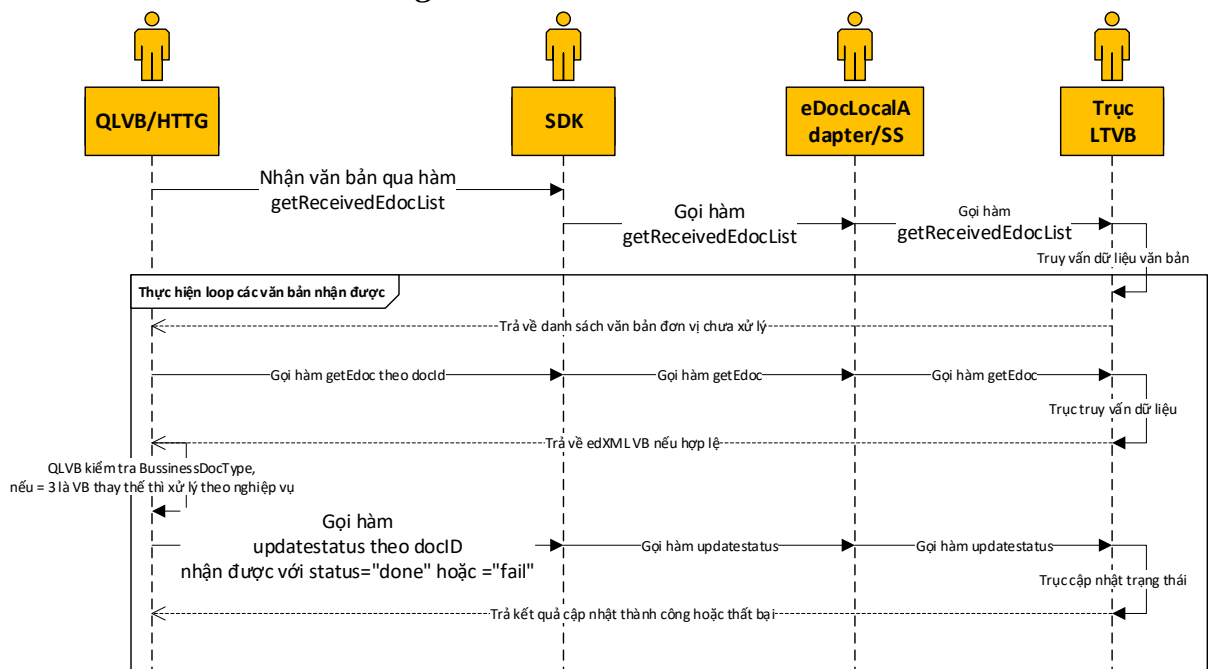
- Gửi văn bản

sendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “edoc_replacement.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý

1	jsonHeaders	R	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb092.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.6.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.6.2.1. Mô tả luồng



Hình 14: Thay thế - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.6.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các văn bản nhận

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	status	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy văn bản

getEdoc	
getEdoc (String jsonHeaders)	
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “edoc_replacement.edxml”	

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath		Thư mục lưu file edxml trên local	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Lấy văn bản thành công update lại trạng thái văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

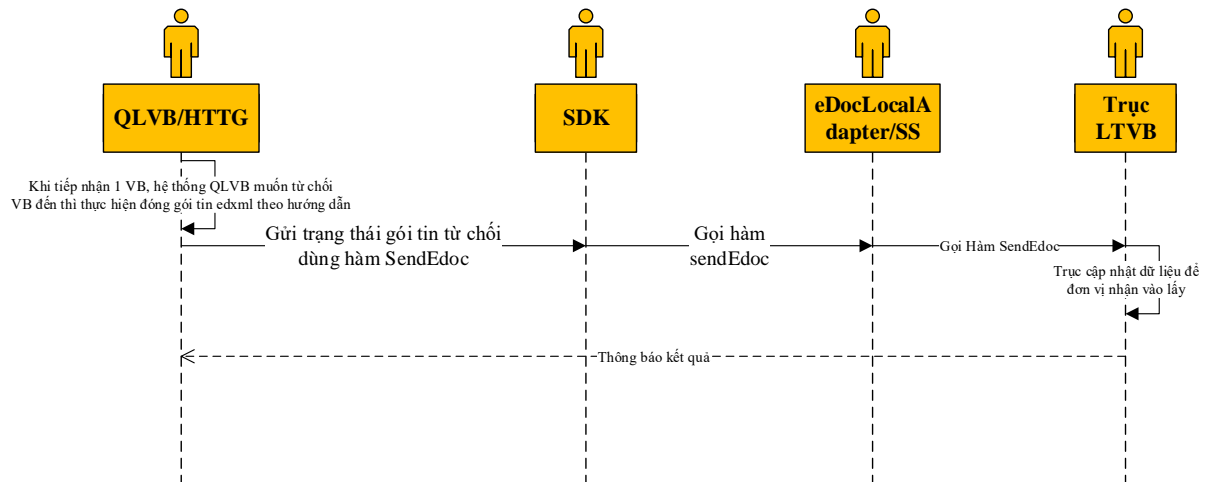
- Nếu có lỗi khi lấy văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

4.7. Nghiệp vụ từ chối văn bản

4.7.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.7.1.1. Mô tả luồng



Hình 15: Từ chối - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

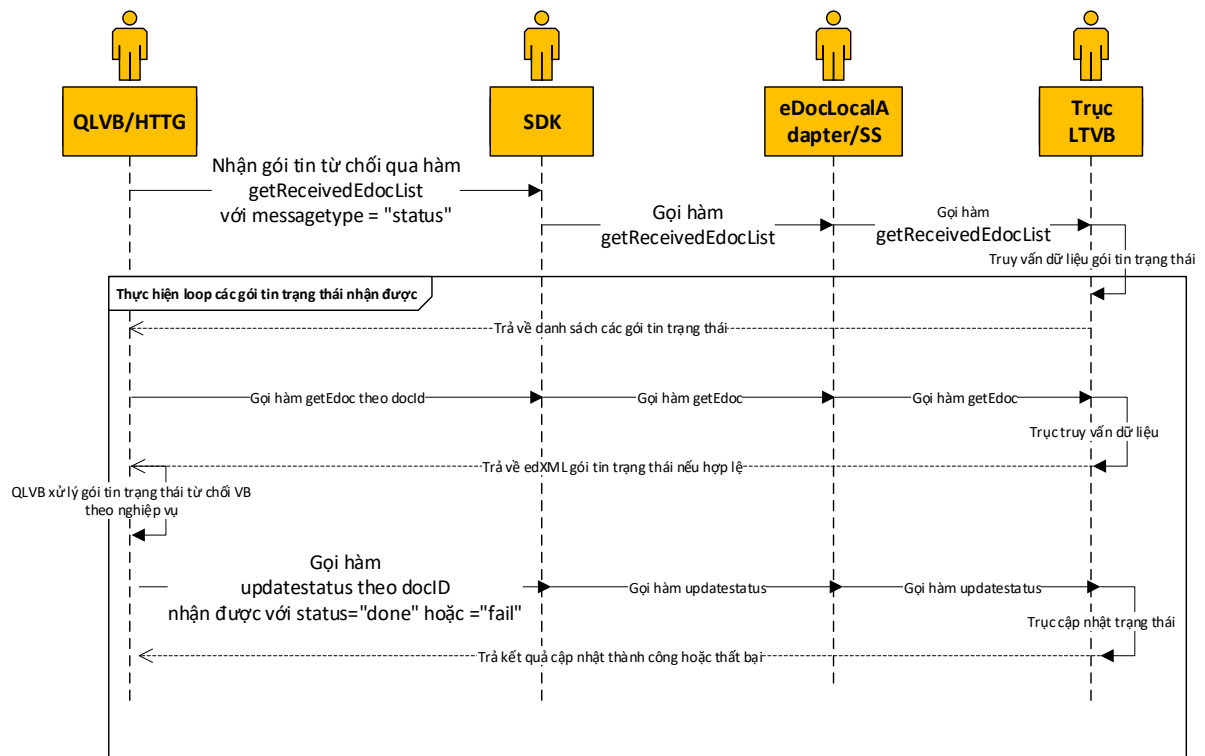
4.7.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Gửi văn bản

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
sendEdoc					
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML - “status_change-rejection_16.edxml”/” “status_rejection_02.edxml”					
1	jsonHeaders	From	000.00.00.G22	Mã đơn vị gửi	
2		Servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb092.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.7.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.7.2.1. Mô tả luồng



Hình 16: Từ chối - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.7.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các gói tin trạng thái cần nhận

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	Servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		Messageype	status	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy gói tin

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML – “status_change-rejection_16.edxml”/” “status_rejection_02.edxml”					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath	Thư mục lưu file	Thư mục lưu file edxml trên local	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Xử lý gói tin thành công thực hiện cập nhật lại trạng thái văn bản

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

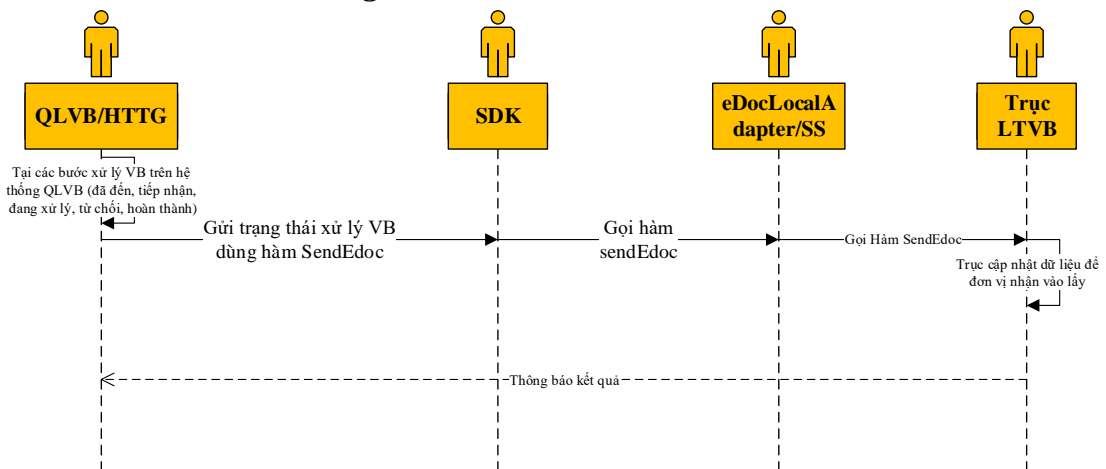
- Xử lý gói tin không thành công thì cập nhật trạng thái như sau

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

4.8. Nghiệp vụ gửi nhận trạng thái văn bản điện tử

4.8.1. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị gửi

4.8.1.1. Mô tả luồng



Hình 17: Gửi nhận trạng thái - Luồng API kết nối liên thông đơn vị gửi

4.8.1.2. Mô tả tham số API, kết nối

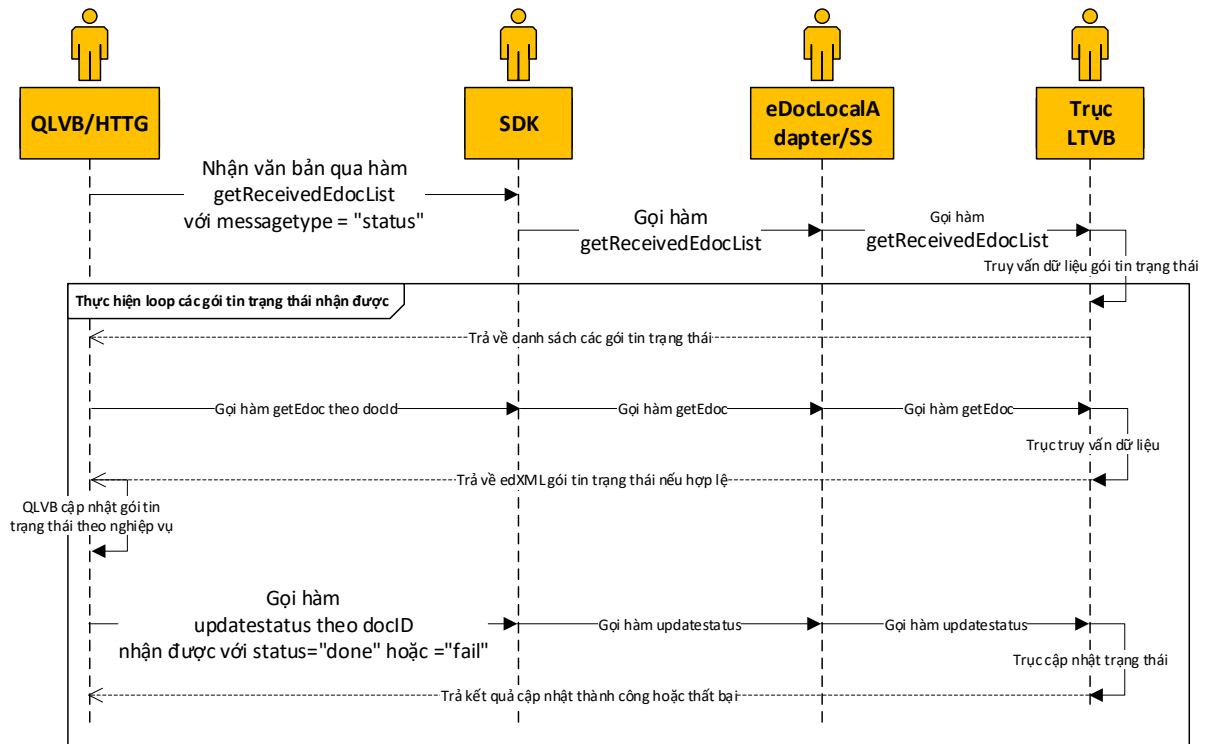
- Gửi gói tin trạng thái

SendEdoc
sendEdoc(String jsonHeaders, String edXMLFileLocation)
Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML “status_finish_06.edxml”, “status_inbox_01.edxml”, “status_processing_05.edxml”, “status_assignment_04.edxml”, “status_acceptance_03.edxml”, “status_rejection_02.edxml”

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	from	000.00.00.H41	Mã đơn vị gửi	
2		servicetype	eDoc	Tham số service	
3		messagetype	status	Loại văn bản edoc hoặc status	
4	edXMLFileLocation		./resources/72e563ed-6a95-48d8-bd9b-a06de6feb092.edxml	Đường dẫn file edxml trên local	

4.8.2. Mô tả API liên thông kết nối đơn vị nhận

4.8.2.1. Mô tả luồng



Hình 18: Gửi nhận trạng thái - Luồng API kết nối liên thông đơn vị nhận

4.8.2.2. Mô tả tham số API, kết nối

- Lấy danh sách các gói tin cần nhận

getReceivedEdocList					
getReceivedEdocList(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	servicetype	eDoc	Tham số servicetype	
2		messagetype	status	Loại gói tin nhận edoc, status	

- Thực hiện lấy gói tin

getEdoc					
getEdoc (String jsonHeaders)					

Mẫu edXML : Tham chiếu tài liệu phụ lục edXML “status_finish_06.edxml”, “status_inbox_01.edxml”, “status_processing_05.edxml”, “status_assignment_04.edxml”, “status_acceptance_03.edxml”, “status_rejection_02.edxml”

STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	filePath	eDoc	Thư mục lưu file edxml trên local	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Lấy gói tin thành công update lại trạng thái xử lý gói tin

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	done	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

- Nếu có lỗi khi lấy gói tin

updateStatus					
updateStatus(String jsonHeaders)					
STT	Tham số	Thuộc tính tham số	Giá trị	Mô tả	Lưu ý
1	jsonHeaders	status	fail	Trạng thái gói tin processing, fail, initial hoặc done	
2		docId	21cc8773-c9d4-4548-8603-0aa428f0cf17	Id của gói tin edxml	

4.9. Danh sách trạng thái chuẩn

Dưới đây là danh sách trạng thái chuẩn mà hệ thống sẽ cập nhật lên đơn vị gửi.

STT	Mã trạng thái	Tên trạng thái	Ghi chú
1	01	Đã đến	Phần mềm QLVB đã nhận nhưng văn thư chưa xử lý
2	02	Từ chối tiếp nhận	Văn thư phát hiện văn bản gửi nhầm, sai sót, không đúng thẩm quyền, từ chối nhận văn bản, kèm theo lý do từ chối
3	03	Đã tiếp nhận	Văn thư đã nhận trên phần mềm
4	04	Phân công	Phân công xử lý

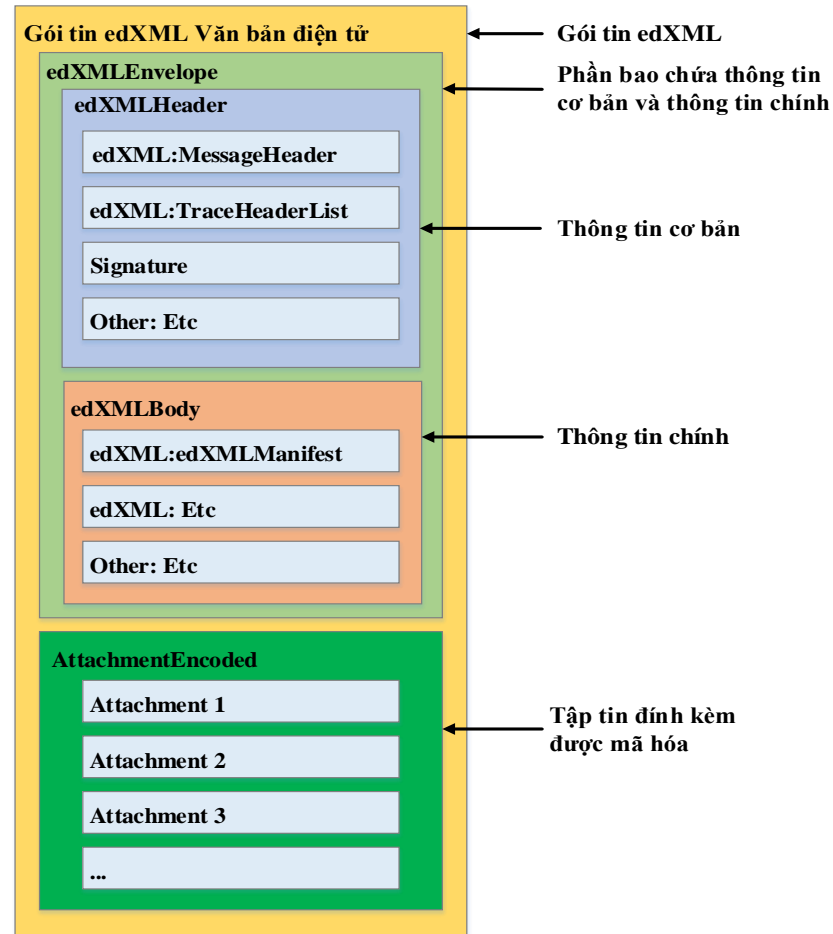
5	05	Đang xử lý	Thực hiện xử lý
6	06	Hoàn thành	Hoàn thành xử lý văn bản

V. ĐỊA CHỈ ĐẦU MỐI LIÊN HỆ HỖ TRỢ

STT	ĐƠN VỊ HỖ TRỢ	THÔNG TIN LIÊN HỆ
1.	Cục kiểm soát TTHC VPCP	Vũ Tuấn Anh DD: Email: vutuananh@chinhphu.vn
2.	Đơn vị hỗ trợ kỹ thuật	Lê Văn Đại DD: 0912864248 Email: dailv@vnpt.vn
3.	Trung tâm tin học VPCP	Nguyễn Công Thành, PGĐ TTTH VPCP ĐTCD: 080 94203 DD: 098.932.6826 Email: nguyencongthanh@chinhphu.vn
4.	Cục Bưu điện Trung Ương	Trần Hải Nam SĐT: 090.223.0290 Email: tranhainam@cpt.gov.vn

PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN ĐẶC TẢ GÓI TIN LIÊN THÔNG DỮ LIỆU VĂN BẢN

I. Đặc tả gói tin edXML văn bản liên thông



Hình 19: Đặc tả gói tin edXML văn bản liên thông

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
	edXML:MessageHeader		Thành phần bắt buộc phải có của một gói tin edXML để chứa các thông tin về phần mở đầu và phần kết thúc của một văn bản điện tử tương ứng với các quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản giấy theo quy định hiện hành.	Bắt buộc	
1.1	edXML:From		Chứa các trường thông tin mô tả về cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.	Bắt buộc	Thông tin chứa trong các trường được lấy từ danh bạ địa chỉ chung, được lưu trên hệ thống trung gian mà hệ thống QLVBDH kết nối tới.
1.1.1	<i>edXML:OrganId</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>13</i>	Mã định danh của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.	Bắt buộc	Trường hợp nhiều cơ quan, đơn vị liên tịch ban hành văn bản thì trường thông tin này chứa mã định danh của cơ quan chủ trì ban hành văn bản.
1.1.2	edXML:OrganizationInCharge	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>200</i>	Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản (nếu có) Ví dụ: Bộ Thông tin và Truyền thông	Tùy chọn	Thông tin được lấy từ danh bạ địa chỉ chung lưu trên hệ thống trung gian
1.1.3	edXML:OrganName	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>200</i>	Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản Ví dụ: Cục Tin học hóa	Bắt buộc	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.1.4	edXML:OrganAdd	Kiểu String Độ dài tối đa: 250	Địa chỉ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Bắt buộc	
1.1.5	edXML:Email	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Thư điện tử liên lạc của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản Ví dụ: vanthucucud@mic.gov.vn	Tùy chọn	
1.1.6	edXML:Telephone	Kiểu String Độ dài tối đa: 30	Số điện thoại của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.1.7	edXML:Fax	Kiểu String Độ dài tối đa: 20	Số fax của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.1.8	edXML:Website	Kiểu String Độ dài tối đa: 50	Trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.2	edXML:To		Thành phần bắt buộc chứa các trường thông tin mô tả về cơ quan, tổ chức nhận văn bản (có thể có nhiều trường, mỗi nơi nhận văn bản tương ứng với một <edXML:To>). Cơ quan, tổ chức nhận văn bản được xác định dựa trên thông tin “Nơi nhận” của văn bản được gửi đi	Bắt buộc	- Các cơ quan, tổ chức nhận văn bản bao gồm cả cá nhân nhận văn bản; - Thông tin chứa trong các trường được lấy từ danh bạ địa chỉ chung, được lưu trên hệ thống trung gian mà hệ thống QLVBĐH kết nối tới.
1.2.1	edXML:OrganId	Kiểu String	Mã định danh của cơ quan, tổ chức nhận văn bản. Trường hợp nơi nhận văn bản là cá	Bắt buộc	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
		<i>Độ dài tối đa:</i> 13	nhân ở bên ngoài hệ thống QLVBDH của cơ quan gửi thi trường thông tin này chứa mã định danh của cơ quan quản lý tài khoản sử dụng hệ thống QLVBDH của cá nhân được nhận văn bản.		
1.2.2	<i>edXML:OrganName</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 200	Tên cơ quan, tổ chức nhận văn bản Ví dụ: Cục Công nghệ thông tin - Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc	Thông tin được lấy từ danh bạ địa chỉ chung lưu trên hệ thống trung gian
1.2.3	<i>edXML:OrganAdd</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 250	Địa chỉ của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Bắt buộc	
1.2.4	<i>edXML:Email</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 100	Thư điện tử đại diện của cơ quan, tổ chức nhận văn bản Ví dụ: CucCNTT@moet.edu.vn	Tùy chọn	
1.2.5	<i>edXML:Telephone</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 30	Số điện thoại của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Tùy chọn	
1.2.6	<i>edXML:Fax</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 20	Số fax của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Tùy chọn	
1.2.7	<i>edXML:Website</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> 50	Trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Tùy chọn	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.3	edXML:Code		Thành phần bắt buộc chứa các trường thông tin mô tả số, kí hiệu của văn bản gửi đi.	Bắt buộc	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào.
1.3.1	<i>edXML:CodeNumber</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>11</i>	Số của văn bản gửi đi Ví dụ: 01, 02, 01/2010...	Bắt buộc	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào
1.3.2	<i>edXML:CodeNotation</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>30</i>	Ký hiệu của văn bản gửi đi Ví dụ: ...NQ-CP, ...CT-TTg, NĐ-CP...	Bắt buộc	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào
1.4	edXML:Promulgation Info		Thành phần bắt buộc chứa các trường thông tin mô tả địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản.	Bắt buộc	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào
1.4.1	<i>edXML:Place</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>50</i>	Địa danh Ví dụ: Hà Nội, Hưng Yên, Khánh Hòa...	Tùy chọn	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào
1.4.2	<i>edXML:</i> <i>PromulgationDate</i>	<i>Kiểu Date:</i> Định dạng: YYYY/MM/ DD	Ngày, tháng, năm ban hành Ví dụ: 2016/04/16	Bắt buộc	Nếu các trường thông tin chứa thông tin về thời gian ngày, tháng, năm thì sử dụng kiểu dữ liệu Date (YYYY/MM/DD); chứa thông tin về thời gian đến giờ, phút, giây thì sử dụng kiểu dữ liệu DateTime (YYYY/MM/DD hh:mm:ss).
1.5	edXML: DocumentType		Mô tả về loại văn bản	Tùy chọn	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.5.1	<i>edXML:Type</i>	Kiểu Number (unsignedShort) Văn bản quy phạm pháp luật: 1. Văn bản hành chính: 2.	Loại báo cáo. Tham khảo bảng định nghĩa các loại báo cáo	Tùy chọn	Giá trị mặc định là 2; - Các loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân số 31/2004/QH11; - Các loại văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011.
1.5.2	<i>edXML:TypeName</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Tên các loại văn bản quy phạm pháp luật	Tùy chọn	Giá trị mặc định của trường này là Công văn. Đối với các loại văn bản khác chưa được liệt kê như bên trên thì văn thư nhập vào
1.6	<i>edXML:Subject</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 500	Trích yếu nội dung của văn bản gửi đi.	Bắt buộc	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào.
1.7	<i>edXML:Content</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 500	Nội dung của văn bản cần ban hành.	Tùy chọn.	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào và chỉ áp dụng đối với văn bản dạng phi cấu

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
					trúc có độ dài không quá 500 ký tự.
1.8	edXML:SignerInfo	Không quy định.	Chứa các trường thông tin mô tả quyền hạn, chức vụ, họ tên của người ký	Tùy chọn	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào
1.8.1	<i>edXML:Competence</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa: 100</i>	Quyền hạn của người ký văn bản	Tùy chọn	- Trường hợp ký thay mặt tập thể thì phải ghi chữ viết tắt “TM.” (thay mặt) vào trước tên tập thể lãnh đạo hoặc tên cơ quan, tổ chức. - Trường hợp ký thay người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì phải ghi chữ viết tắt “KT.” (ký thay) vào trước chức vụ của người đứng đầu; - Trường hợp cấp phó được giao phụ trách thì thực hiện như cấp phó ký thay cấp trưởng; - Trường hợp ký thừa lệnh thì phải ghi chữ viết tắt “TL.” (thừa lệnh) vào trước chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; - Trường hợp ký thừa ủy quyền thì phải ghi chữ viết tắt “TUQ.” (thừa ủy quyền) vào

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
					trước chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức
1.8.2	<i>edXML:Position</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>100</i>	Chức vụ của người ký văn bản	Tùy chọn	Chức vụ ghi trên văn bản là chức vụ lãnh đạo chính thức của người ký văn bản trong cơ quan, tổ chức.
1.8.3	<i>edXML:FullName</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>50</i>	Họ và tên người ký văn bản Ví dụ: Trần Văn B	Tùy chọn	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào
1.9	<i>edXML:DueDate</i>	<i>Kiểu Date</i> Tại mục 2.2.1 của quy chuẩn này	Hạn trả lời văn bản.	Tùy chọn	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào.
1.10	<i>edXML:ToPlaces</i>		Danh sách nơi nhận và lưu văn bản, không tính các cơ quan, tổ chức trực tiếp giải quyết công việc đã quy định tại thẻ <edXML:To> (có nhiều nơi nhận tương ứng với mỗi <edXML:Place>)	Tùy chọn	Thông tin này do đơn vị phát hành báo cáo nhập vào. Tên các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan khác nhận báo cáo
1.10.1	<i>edXML:Place</i>	<i>Kiểu String</i> <i>Độ dài tối đa:</i> <i>1000</i>	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân nhận văn bản Ví dụ: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Tùy chọn	Mỗi gạch đầu dòng ở phần nơi nhận của văn bản tương ứng với một <edXML:Place>
1.11	<i>edXML:OtherInfo</i>		Chứa các trường thông tin mô tả các thông tin khác của văn bản được ban hành.	Tùy chọn.	Thông tin này do văn thư nhập vào.

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.11.1	edXML:Priority	Kiểu Number (unsigned Short) có các giá trị quy định như sau: Thường :0 Khẩn: 1 Thượng khẩn: 2 Hỏa tốc: 3 Hỏa tốc hẹn giờ: 4	Độ khẩn của văn bản	Tùy chọn	Giá trị mặc định là 0
1.11.2	edXML:SphereOfPromulgation	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Phạm vi lưu hành của văn bản	Tùy chọn	Thông tin này do văn thư nhập vào.
1.11.3	edXML:TyperNotation	Kiểu String Độ dài tối đa: 10	Ký hiệu đơn vị, tổ chức, chữ viết tắt tên người soạn thảo văn bản.	Tùy chọn	Thông tin của trường này do văn thư nhập vào.
1.11.4	edXML:PromulgationAmount	Kiểu Number (unsignedShort).	Số lượng bản phát hành	Tùy chọn	Giá trị mặc định là 1.

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.11.5	edXML:PageAmount	Kiểu Number (unsignedShort)	Số trang của văn bản.	Tùy chọn	Giá trị mặc định là 1.
1.11.6	edXML:Appendixes	Kiểu String Độ dài phụ thuộc vào số phần tử edXML:Appendix mà mỗi phần tử edXML:Appendix có độ dài tối đa là 250 ký tự.	Thông tin về các phụ lục đi kèm văn bản thể hiện bằng thẻ <edXML:Appendix>, số thẻ tương ứng với số phụ lục. Các phụ lục này được đóng gói trong phần tập tin đính kèm.	Tùy chọn	
1.12	edXML:ResponseFor		1. Văn bản phản hồi/phúc đáp cho văn bản cha: Khi hệ thống phát sinh một văn bản phản hồi/phúc đáp cho 1 văn bản nào, thì thông tin văn bản được phản hồi được ghi nhận trong đây. 2. Văn bản thu hồi: Đánh dấu thông tin văn bản bị thu hồi, đơn vị bị thu hồi văn bản. Sử dụng trong trường hợp đơn vị ban hành 1 văn bản để thu hồi văn bản đã phát hành trước đó	Tùy chọn	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
			<i>3. Trường hợp đơn vị nhận bản tin trạng thái lấy lại (=13) thì chú ý OrganID là cơ quan, tổ chức nhận văn bản ban hành.</i>		
1.12.1	edXML:OrganId	Kiểu String Độ dài tối đa: 13	ID của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Bắt buộc	Chi tiết cách đánh mã trong phần nội dung hướng dẫn và Phụ lục 1
1.12.2	edXML:Code		Số, kí hiệu văn bản được phản hồi Ví dụ: 01/NQ-CP, 02/CT-TTg, 01/2010/NĐ-CP...	Bắt buộc	Thông tin này do văn thư nhập vào
1.12.3	edXML: PromulgationDate	Kiểu Date: Định dạng: YYYY/MM/ DD	Ngày, tháng, năm ban hành của văn bản được phản hồi Ví dụ: 2012/06/26	Bắt buộc	Thông tin này do văn thư nhập vào
1.12.4	edXML:DocumentId	Kiểu String Độ dài tối đa 36	Thông tin mã định danh của văn bản được phản hồi	Bắt buộc	Cấu trúc mã định danh văn bản (theo QĐ 28, khoản 2.b, Điều 10) gồm: - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm. <From-OrganId>,<PromulgationDate>

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
					,<CodeNumber>/<CodeNotation>
1.13	edXML:SteeringType	Kiểu Number (unsignedShort)	Loại chỉ đạo Không phải là chỉ đạo :0 Chỉ đạo: 1 Báo cáo chỉ đạo: 2	Bắt buộc	Giá trị mặc định là 0
1.14	edXML:DocumentId	Kiểu String Độ dài tối đa: 36	Mã định danh của văn bản và duy nhất trên toàn hệ thống liên thông văn bản	Bắt buộc	Cấu trúc mã định danh văn bản (theo QĐ 28, khoản 2.b, Điều 10) gồm: - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm. <From-OrganId>,<PromulgationDate>,<CodeNumber>/<CodeNotation>
2	edXML:TraceHeaderList		Ghi lại thời điểm gửi của hệ thống quản lý văn bản và điều hành nơi gửi hoặc thời điểm nhận của hệ thống quản lý văn bản và điều hành nơi nhận của một gói tin	Bắt buộc	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
2.1	edXML:TraceHeader			Bắt buộc	Có thể có nhiều thẻ TraceHeader trong thẻ TraceHeaderList
2.1.1	<i>edXML:OrganId</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 13	ID của cơ quan, tổ chức ban hành hoặc ID của cơ quan, tổ chức nhận văn bản	Bắt buộc	Chi tiết cách đánh mã trong phần nội dung hướng dẫn và Phụ lục 1
2.1.2	<i>edXML:Timestamp</i>	Kiểu Date, định dạng yyyy/MM/dd HH:mm:ss	Thời điểm gửi hoặc nhận gói tin	Bắt buộc	
2.2	edXML:Bussiness		Đánh dấu loại nghiệp vụ văn bản đang thực hiện là Thu hồi, Cập nhật, Thay thế Trường hợp văn bản lấy lại hoặc từ chối được thực hiện bằng gói tin status – không cần trường đánh dấu nghiệp vụ xử lý văn bản	Bắt buộc	Đối với văn bản mới có thể có thể edXML:Bussiness hoặc không có.
2.2.1	<i>edXML: BussinessDocType</i>	Kiểu Number	Loại nghiệp vụ văn bản 0 – Văn bản mới 1 – Thu hồi 2 – Cập nhật 3 – Thay thế	Bắt buộc	Thông tin này đi kèm khi gửi văn bản điện tử Thu hồi, Cập nhật, Thay thế
2.2.2	<i>edXML: BussinessDocReason</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 1000	Mô tả ngắn lý do văn bản cần điều chỉnh	Bắt buộc	Đi kèm khi có trường edXML:BussinessDocType

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
2.2.3	edXML: BusinessDocumentInfo		Chứa danh sách các trường thông tin được cập nhật của văn bản cập nhật	Tùy chọn	Bắt buộc khi BusinessDocType = 2
2.2.3.1	edXML: DocumentInfo	Kiểu Number	Đánh dấu văn bản được cập nhật thông tin văn bản 0: Không cập nhật thông tin văn bản 1: Có cập nhật thông tin văn bản (trích yếu, file đính kèm,...)	Tùy chọn	
2.2.3.2	edXML: DocumentReceiver	Kiểu Number	Đánh dấu văn bản được cập nhật thông tin đơn vị nhận (thêm, bỏ đơn vị nhận) 0: Không có thay đổi thông tin đơn vị nhận 1: Có thay đổi thông tin đơn vị nhận (thêm hoặc bỏ đơn vị nhận)	Tùy chọn	
2.2.3.3	edXML: ReceiverList		Ghi lại danh sách các đơn vị nhận bị thay đổi khi cập nhật văn bản (thêm mới đơn vị hoặc bỏ đơn vị nhận)	Tùy chọn	Bắt buộc khi UpdateDocumentReceiver = 1
2.2.3.3.1	edXML: Receiver		Ghi lại đơn vị có thay đổi khi cập nhật văn bản	Tùy chọn	
2.2.3.3.1.1	edXML: ReceiverType	Kiểu Number	Giá trị quy định đơn vị được thêm mới hay bỏ khỏi danh sách nhận văn bản điện tử. 0: Đơn vị bị bỏ khỏi danh sách nhận khi cập nhật văn bản điện tử 1: Đơn vị được thêm mới vào danh sách nhận khi cập nhật văn bản điện tử	Tùy chọn	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
2.2.3.3. 1.2	edXML:OrganId		Mã định danh đơn vị bị thay đổi khi cập nhật văn bản điện tử.	Tùy chọn	Cấu trúc mã định danh văn bản gồm: - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm.
2.2.4	edXML:DocumentId	<i>Kiểu String</i>	Mã định danh của văn bản bị thu hồi, cập nhật	Tùy chọn	Cấu trúc mã định danh văn bản (theo QĐ 28, khoản 2.b, Điều 10) gồm: - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm. <From- OrganId>,<PromulgationDate> ,<CodeNumber>/<CodeNotation>
2.2.5	edXML:StaffInfo		Chứa thông tin về người xử lý cập nhật, thu hồi hoặc gửi văn bản thay thế	Tùy chọn	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
2.2.5.1	<i>edXML:Department</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 300	Thông tin đơn vị thực hiện xử lý nghiệp vụ cập nhật, thay thế, thu hồi văn bản	Tùy chọn	
2.2.5.2	<i>edXML:Staff</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 300	Thông tin người xử lý nghiệp vụ cập nhật, thay thế, thu hồi văn bản	Tùy chọn	
2.2.5.3	<i>edXML:Mobile</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 30	Thông tin số điện thoại người xử lý nghiệp vụ cập nhật, thay thế, thu hồi văn bản	Tùy chọn	
2.2.5.4	<i>edXML:Email</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Thông tin thư điện tử người xử lý nghiệp vụ cập nhật, thay thế, thu hồi văn bản	Tùy chọn	
2.2.6	<i>edXML:Paper</i>	Number	Thông tin đánh dấu có/không gửi kèm văn bản giấy. 0: Không gửi kèm văn bản giấy 1: Có gửi kèm văn bản giấy theo đường truyền thống	Tùy chọn	Mặc định là 0 – chỉ gửi văn bản điện tử
2.2.8	<i>edXML:ReplacementInfoList</i>		Chứa thông tin danh sách văn bản bị thay thế	Tùy chọn	Bắt buộc khi <i>BussinessDocType</i> = 3
2.2.8.1	<i>edXML:ReplacementInfo</i>		Chứa thông tin từng văn bản bị thay thế	Tùy chọn	
2.2.8.1.1	<i>edXML:DocumentId</i>	<i>Kiểu String</i>	Mã định danh văn bản bị thay thế	Tùy chọn	Cấu trúc mã định danh văn bản (theo QĐ 28, khoản 2.b, Điều 10) gồm:

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm. <From- OrganId>,<PromulgationDate> ,<CodeNumber>/<CodeNotation>
2.2.8.1.2	edXML:OrganIdList		Chứa thông tin danh sách đơn vị đã nhận văn bản bị thay thế	Tùy chọn	
2.2.8.1.2.1	edXML:OrganId	Kiểu String Độ dài tối đa: 13	ID của cơ quan, tổ chức nhận ban hành văn bản bị thay thế	Tùy chọn	
3	Signature		Là thành phần tùy chọn, bao gồm các thông tin về trường thông tin chữ ký số và thông tin ký số gói tin (thông tin được hệ thống QLVBDH của cơ quan tham gia trao đổi văn bản điện tử tạo ra).	Tùy chọn	Trường thông tin này chỉ bắt buộc có dữ liệu khi các cơ quan sử dụng chữ ký số, chứng thư số và các dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng.
3.1	<i>SignedInfo</i>		Mô tả các thông tin được ký	Tùy chọn	
3.1.1	<i>CanonicalizationMethod</i>		Xác định thuật toán chuẩn hóa dữ liệu cần ký	Tùy chọn	Là một thuộc tính của <i>CanonicalizationMethod</i>

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
	<i>Algorithm</i>	<i>Kiểu String</i>	Thuật toán chuẩn hóa dữ liệu: http://www.w3.org/TR/xml-exc-c14n/		
3.1.2	<i>SignatureMethod</i>		Xác định thuật toán để ký số thành phần <i>SignedInfo</i> đã được chuẩn hóa	Tùy chọn	
	<i>Algorithm</i>	<i>Kiểu String</i>	Thuật toán ký số <i>SignedInfo</i> : http://www.w3.org/2000/09/xmlsig#rsa-sha1		Là một thuộc tính của <i>SignatureMethod</i>
3.1.3	<i>Reference</i>		Tham chiếu đến các đối tượng dữ liệu cần ký và xác định phương thức băm và giá trị băm của các thành phần đối tượng dữ liệu trong gói tin edXML	Tùy chọn	
	<i>URI</i>	<i>Kiểu String</i>	Tham chiếu đến đối tượng dữ liệu được băm. URI = "" tham chiếu đến <i>SOAP-ENV:Envelope</i> . URI = cid tham chiếu đến từng tệp dữ liệu đính kèm		Là một thuộc tính của <i>Reference</i>
3.1.3.1	<i>Transforms</i>		Danh sách phương thức biến đổi đối tượng dữ liệu định dạng XML được tham chiếu trước khi ký	Tùy chọn	Chỉ sử dụng <i>Transforms</i> đối với đối tượng dữ liệu SOAP-ENV:Envelope (XML)
3.1.3.1.1	<i>Transform</i>		Định nghĩa một phương thức biến đổi sẽ được áp dụng	Tùy chọn	
	<i>Algorithm</i>	<i>Kiểu String</i>	Tên phương thức biến đổi được áp dụng. Có các loại phương thức biến đổi sau: - Phương thức biến đổi sử dụng Enveloped Signature:		Là một thuộc tính của <i>Transforms</i>

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
			www.w3.org/2000/09/XMLDSig#enveloped-signature - Phương thức biến đổi sử dụng thuật toán chuẩn hóa nội dung XML, XML-C14N: www.w3.org/TR/xml-exc-c14n/		
3.1.3.2	<i>DigestMethod</i>		Xác định thuật toán băm dữ liệu	Tùy chọn	
	<i>Algorithm</i>	<i>Kiểu String</i>	Thuật toán băm dữ liệu: http://www.w3.org/2000/09/xmlsig#sha1		Là một thuộc tính của <i>DigestMethod</i>
3.1.3.3	<i>DigestValue</i>	<i>Kiểu String</i>	Giá trị băm của đối tượng dữ liệu tham chiếu sử dụng thuật toán quy định tại <i>DigestMethod</i>	Tùy chọn	
3.2	<i>SignatureValue</i>	<i>Kiểu String</i>	Giá trị chữ ký số của <i>SignedInfo</i>	Tùy chọn	
3.3	<i>KeyInfo</i>		Mô tả khóa sử dụng để xác thực chữ ký	Tùy chọn	
3.3.1	<i>X509Data</i>		Dữ liệu về chứng thư số sử dụng để xác thực chữ ký số	Tùy chọn	
3.3.1.1	<i>X509SubjectName</i>	<i>Kiểu String</i>	Tên cá nhân/tổ chức ký số	Tùy chọn	Tên cá nhân/tổ chức sở hữu chứng thư số ký
3.3.1.2	<i>X509Certificate</i>	<i>Kiểu String</i>	Chứng thư số sử dụng để xác thực chữ ký số	Tùy chọn	

1.1. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử mới



edoc_new.edxml



edoc.edxml

1.2. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử cập nhật



edoc_update.edxml

1.3. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử thay thế



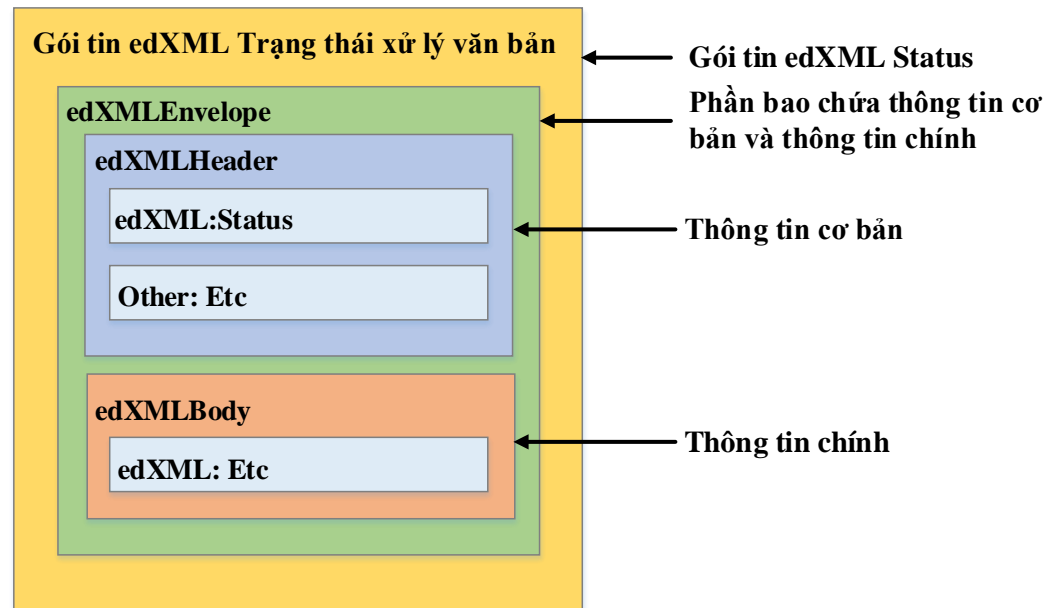
edoc_replacement.e
dxml

1.4. Đặc tả thông tin edXML Văn bản điện tử thu hồi



edoc_revocation.ed
xml

II. Đặc tả gói tin edXML trạng thái liên thông



Hình 20: Đặc tả gói tin edXML trạng thái liên thông

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/Tùy chọn	Ghi chú
1.	edXML:Status		Lưu thông tin trạng thái xử lý cần thông báo, bao gồm hai phần: StatusCode và Description	Bắt buộc	
1.1	edXML:ResponseFor		Phản hồi từ văn bản cha (Khi hệ thống phát sinh một văn bản phản hồi cho 1 văn bản nào, thì thông tin văn bản được phản hồi được ghi nhận trong đây)	Tùy chọn	Đây là thông tin về các cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị trực tiếp giải quyết công việc

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.1.1	edXML:OrganId	Kiểu String Độ dài tối đa: 13	ID của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Bắt buộc	Chi tiết cách đánh mã trong phần nội dung hướng dẫn
1.1.2	edXML:Code		Số, kí hiệu văn bản được phản hồi Ví dụ: 01/NQ-CP, 02/CT-TTg, 01/2010/NĐ-CP...	Bắt buộc	Thông tin này do văn thư nhập vào
1.1.3	edXML:PromulgationDate	Kiểu Date: yyyy/MM/dd	Ngày, tháng, năm ban hành của văn bản được phản hồi Ví dụ: 2016/08/22	Bắt buộc	Thông tin này do văn thư nhập vào
1.12.4	edXML:DocumentId	Kiểu String Độ dài tối đa 36	Thông tin mã định danh của văn bản được phản hồi	Bắt buộc	Cấu trúc mã định danh văn bản (theo QĐ 28, khoản 2.b, Điều 10) gồm: - Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. - Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm. <From-OrganId>,<PromulgationDate>,<CodeNumber>/<CodeNotation>
1.2	edXML:From		Thông tin nơi ban hành văn bản	Bắt buộc	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
1.2.1	<i>edXML:OrganId</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 13	ID của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Bắt buộc	
1.2.2	<i>edXML:OrganizationInCharge</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 200	Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có) Ví dụ: Bộ Thông tin và Truyền thông	Tùy chọn	
1.2.3	<i>edXML:OrganName</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 200	Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản Ví dụ: Cục Tin học hóa	Tùy chọn	
1.2.4	<i>edXML:OrganAdd</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 250	Địa chỉ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.2.5	<i>edXML:Email</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Thư điện tử liên lạc của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản Ví dụ: vanthucucud@mic.gov.vn	Tùy chọn	
1.2.6	<i>edXML:Telephone</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 20	Số điện thoại của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.2.7	<i>edXML:Fax</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 20	Số fax của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.2.8	<i>edXML:Website</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Trang/công thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản	Tùy chọn	
1.3	<i>edXML:StatusCode</i>	Kiểu String Độ dài tối đa: 300	Mã trạng thái dùng để cập nhật trạng thái mới của thông điệp	Bắt buộc	

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc/ Tùy chọn	Ghi chú
			Danh sách mã tương ứng với trạng thái đã quy định tại mục II-2-2.2 Bảng 1		
1.4	edXML:Description	Kiểu String	Mô tả về trạng thái xử lý cần thông báo	Tùy chọn	
1.5	edXML:Timestamp	Kiểu Date, định dạng yyyy/MM/dd HH:mm:ss	Thời điểm gửi hoặc nhận gói tin	Bắt buộc	
1.6	edXML:StaffInfo		Lưu thông tin người xử lý, bao gồm: Department và Staff (có thể có nhiều người cùng tham gia xử lý, mỗi người xử lý tương ứng với một <edXML:StaffInfo>)		
1.6.1	edXML:Department	Kiểu String Độ dài tối đa: 300	Tên phòng ban xử lý; dữ liệu lưu theo định dạng sau P.CNTT#Quận1#TP.HCM	Tùy chọn	
1.6.2	edXML:Staff	Kiểu String Độ dài tối đa: 300	Tên chuyên viên xử lý	Tùy chọn	
1.6.3	edXML:Mobile	Kiểu String Độ dài tối đa: 30	Số điện thoại chuyên viên xử lý	Tùy chọn	
1.6.4	edXML:Email	Kiểu String Độ dài tối đa: 100	Thư điện tử chuyên viên xử lý	Tùy chọn	

Bảng danh sách các trạng thái chuẩn

STT	Mã trạng thái	Tên trạng thái	Ghi chú
1	01	Đã đến	Phần mềm QLVB đã nhận nhưng văn thư chưa xử lý
2	02	Từ chối tiếp nhận	Văn thư phát hiện văn bản gửi nhầm, sai sót, không đúng thẩm quyền, từ chối nhận văn bản, kèm theo lý do từ chối
3	03	Đã tiếp nhận	Văn thư đã nhận trên phần mềm
4	04	Phân công	Phân công xử lý
5	05	Đang xử lý	Thực hiện xử lý
6	06	Hoàn thành	Hoàn thành xử lý văn bản
7	13	Lấy lại	Đơn vị gửi lấy lại văn bản điện tử đã ban hành
9	15	Đồng ý lấy lại/cập nhật văn bản	Sử dụng cho đơn vị nhận thực hiện tiếp nhận yêu cầu lấy lại, cập nhật văn bản điện tử
10	16	Từ chối lấy lại/cập nhật văn bản	Sử dụng cho đơn vị thực hiện từ chối yêu cầu lấy lại, cập nhật văn bản điện tử

2.1. Mẫu gói tin Từ chối văn bản điện tử



status_rejection_02.
edxml

2.2. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Đã đến



status_inbox_
01.edxml

2.3. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Tiếp nhận



status_acceptance_
03.edxml

2.4. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Phân công



status_assignment_
04.edxml

2.5. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Đang xử lý



status_processing_
05.edxml

2.6. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Hoàn thành



status_finish_06.ed
xml

2.7. Mẫu gói tin trạng thái xử lý văn bản điện tử – Lấy lại



status_cancellation
_13.edxml

2.8. Mẫu gói tin trạng thái đồng ý tiếp nhận yêu cầu lấy lại/cập nhật văn bản điện tử



status_change-acceptance_15.edxml

2.9. Mẫu gói tin trạng thái từ chối tiếp nhận yêu cầu lấy lại/cập nhật văn bản điện tử



status_change-rejection_16.edxml

PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG THỨC THƯỜNG SỬ DỤNG THƯ VIỆN EdXML

I. Danh sách các phương thức thư viện EdXML phiên bản Java

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
1	com.vpcp.xml.ed.Ed	Ed(Header paramHeader, List<Attachment> paramList)	Khởi tạo đối tượng EdXml
2	com.vpcp.xml.base.Content	File getContent() setContent(File paramFile)	Tạo File EdXml Gán File EdXml
3	com.vpcp.xml.base.attachment.Attachment	String getContentType() setContentType(String paramString)	Lấy ContentType của file Gán ContentType
		String getName() setName(String paramString)	Lấy tên file đính kèm Gán tên file đính kèm
		File getContent() setContent(File paramFile)	Lấy File đính kèm Gán File đính kèm
4	com.vpcp.xml.base.header.Header	IMessageHeader getMessageHeader() setMessageHeader(IMessageHeader paramIMessageHeader)	Lấy MessageHeader gói tin EdXml Gán MessageHeader
		TraceHeaderList getTraceHeaderList() setTraceHeaderList(TraceHeaderList paramTraceHeaderList)	Lấy TraceHeaderList Gán TraceHeaderList
		Signature getSignature() setSignature(Signature paramSignature)	Lấy đối tượng ký Signature Gán Signature
		Header fromContent(Element paramElement, IMessageHeader paramIMessageHeader)	Lấy Header EdXml từ bản tin
5	com.vpcp.xml.base.header.KeyInfo	X509Data getX509Data() setX509Data(X509Data paramX509Data)	Lấy giá trị X509Data Gán đối tượng X509Data

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		KeyInfo fromContent(Element paramElement)	Lấy thông tin ký từ EdXML
6	com.vpcp.xml.base.header.Organization	String getOrganId()	Lấy mã định danh đơn vị
		setOrganId(String paramString)	Gán mã định danh đơn vị
		getOrganName()	Lấy tên đơn vị
		setOrganName(String paramString)	Gán tên đơn vị
		String getOrganAdd()	Lấy địa chỉ đơn vị
		setOrganAdd(String paramString)	Gán địa chỉ đơn vị
		Organization fromContent(Element paramElement)	Lấy thông tin đơn vị từ gói tin
7	com.vpcp.xml.base.header.SignReference	String getURI()	Lấy thông tin URI
		setURI(String paramString)	Gán thông tin URI
		List<String> getTransforms()	Lấy các thông tin Transform
		setTransforms(List<String> paramList)	Gán thông tin Transform
		addToTransform(String paramString)	Bổ sung thêm Transform
		getDigestMethod()	Lấy thuật toán băm
		setDigestMethod(String paramString)	Gán thuật toán băm
		getDigestValue()	Lấy giá trị băm
		setDigestValue(String paramString)	Gán giá trị băm
		SignReference fromContent(Element paramElement)	Lấy đối tượng SignReference từ EdXml
8	com.vpcp.xml.base.header.SignerInfo	String getCompetence()	Lấy thông tin Competence
		setCompetence(String paramString)	Gán thông tin Competence
		getPosition()	Lấy vị trí ký
		setPosition(String paramString)	Gán vị trí ký

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		String getFullName()	Lấy tên
		setFullName(String paramString)	Gán tên
		SignerInfo fromContent(Element paramElement)	Lấy đối tượng SignerInfo từ EdXml
9	com.vpcp.xml.base.header.TraceHeaderList	String getId()	Lấy Id của traceheader
		setId(String paramString)	Gán ID của traceheader
		String getVersion()	Lấy phiên bản
		setVersion(String paramString)	Gán phiên bản
		List<TraceHeader> getTraceHeaders()	Lấy danh sách các trường TraceHeader
		setTraceHeaders(List<TraceHeader> paramList)	Gán danh sách các trường TraceHeader
		addTraceHeader(TraceHeader paramTraceHeader)	Bổ sung thêm TraceHeader
		TraceHeaderList fromContent(Element paramElement)	Lấy danh sách TraceHeaderList từ EdXml
10	com.vpcp.xml.base.header.X509Data	String getX509SubjectName()	Lấy tên X509
		setX509SubjectName(String paramString)	Gán tên X509
		String getX509Certificate()	Lấy Certificate
		setX509Certificate(String paramString)	Gán Certificate
		X509Data fromContent(Element paramElement)	Lấy đối tượng X509Data từ file EdXml
11	com.vpcp.xml.ed.header.Code	String getCodeNumber()	Lấy mã văn bản
		setCodeNumber(String paramString)	Gán mã văn bản
		String getCodeNotation()	Lấy ký hiệu văn bản
		setCodeNotation(String paramString)	Gán ký hiệu văn bản
		Code fromContent(Element paramElement)	Lấy thông tin Code từ EdXml

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
12	com.vpcp.xml.ed.header.DocumentType	int getType()	Lấy kiểu văn bản
		setType(int paramInt)	Gán kiểu văn bản
		int getTypeDetail()	Lấy chi tiết kiểu văn bản
		setTypeDetail(int paramInt)	Gán chi tiết kiểu văn bản
		String getTypeName()	Lấy tên kiểu văn bản
		setName(String paramString)	Gán tên kiểu văn bản
		DocumentType fromContent(Element paramElement)	:ấy đối tượng DocumentType từ EdXml
13	com.vpcp.xml.ed.header.MessageHeader	SignedInfo getSignedInfo()	Lấy đối tượng SignedInfo
		setSignedInfo(SignedInfo signedInfo)	gán đối tượng SignedInfo
		Organization getFrom()	Lấy tổ chức gửi
		setFrom(Organization paramOrganization)	Gán tổ chức gửi
		List<Organization> getToes()	Lấy danh sách đơn vị nhận
		setToes(List<Organization> paramList)	Gán danh sách đơn vị nhận
		addTo(Organization paramOrganization)	Bổ sung đơn vị nhận
		String getDocumentId()	Lấy mã văn bản
		setDocumentId(String paramString)	Gán mã văn bản
		Code getCode()	Lấy đối tượng Code
		setCode(Code paramCode)	Gán đối tượng Code
		PromulgationInfo getPromulgationInfo()	Lấy đối tượng PromulgationInfo
		setPromulgationInfo(PromulgationInfo paramPromulgationInfo)	Gán đối tượng PromulgationInfo
		DocumentType getDocumentType()	Lấy đối tượng DocumentType

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		setDocumentType(DocumentType paramDocumentType)	Gán đối tượng DocumentType
		String getSubject()	Lấy chủ đề
		String getContent()	Lấy content
		setContent(String paramString)	Gán đối tượng setContent
		setSubject(String paramString)	Gán Subject
		SignerInfo getSignerInfo()	Lấy đối tượng SignerInfo
		setSignerInfo(SignerInfo paramSignerInfo)	Gán đối tượng SignerInfo
		Date getDueDate()	Lấy đối tượng DueDate
		setDueDate(Date paramDate)	Gán đối tượng DueDate
		List<String> getToPlaces()	Lấy danh sách địa chỉ nhận
		setToPlaces(List<String> paramList)	Gán đối tượng ToPlaces
		setApplicationType(String paramString)	Gán đối tượng ApplicationType
		addToPlace(String paramString)	Gán đối tượng ToPlace
		OtherInfo getOtherInfo()	Lấy đối tượng OtherInfo
		setOtherInfo(OtherInfo paramOtherInfo)	Gán đối tượng OtherInfo
		ResponseFor getResponseFor()	Lấy đối tượng ResponseFor
		setResponseFor(ResponseFor paramResponseFor)	Gán đối tượng ResponseFor
		int getSteeringType()	Lấy loại văn bản
		setSteeringType(int paramInt)	Gán đối tượng SteeringType
		setResponseForTask(ResponseForTask paramResponseForTask)	Gán đối tượng ResponseForTask
		MessageHeader fromContent(Element paramElement)	Gán đối tượng MessageHeader fromContent

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
14	com.vpcp.xml.ed.header.OtherInfo	int getPriority()	Lấy chủ đề
		setPriority(int paramInt)	Lấy đối tượng setPriority
		String getSphereOfPromulgation()	Lấy đối tượng String
		setSphereOfPromulgation(String paramString)	Gán đối tượng SphereOfPromulgation
		String getTyperNotation()	Lấy thông tin người đánh văn bản
		setTyperNotation(String paramString)	Gán đối tượng TyperNotation
		int getPromulgationAmount()	Lấy số lượng PromulgationAmount
		setPromulgationAmount(int paramInt)	Gán đối tượng PromulgationAmount
		int getPageAmount()	Lấy số lượng trang văn bản
		setPageAmount(int paramInt)	Gán đối tượng PageAmount
		setReplyFors(String paramString)	Gán đối tượng ReplyFors
		setReferenceCodes(String paramString)	Gán đối tượng ReferenceCodes
		List<String> getAppendixes()	Lấy danh sách các phụ lục
		setAppendixes(List<String> paramList)	Gán danh sách các phụ lục
		OtherInfo fromContent(Element paramElement)	Lấy đối tượng OtherInfo
15	com.vpcp.xml.ed.header.PromulgationInfo	String getPlace()	Lấy địa điểm
		setPlace(String paramString)	Gán địa điểm
		Date getPromulgationDate()	Lấy ngày phát hành văn bản
		setPromulgationDate(Date paramDate)	Gán ngày phát hành văn bản

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		PromulgationInfo fromContent(Element paramElement)	Lấy thông tin phát hành văn bản
16	com.vpcp.xml.base.body.Manifest	Manifest getManifest()	Lấy đối tượng Manifest
		setManifest(Manifest paramManifest)	Gán đối tượng Manifest
		Body fromContent(Element paramElement)	Lấy Body từ EdXml
17	com.vpcp.xml.base.body.References	String getVersion()	Lấy phiên bản
		setVersion(String paramString)	Gán phiên bản
		List<Reference> getReferences()	Lấy danh sách Reference
		setReferences(List<Reference> paramList)	Gán danh sách Reference
		addReference(Reference paramReference)	Lấy đối tượng addReference
		Manifest fromContent(Element paramElement)	Lấy đối tượng Manifest
18	com.vpcp.xml.base.body.Body	String getContentId()	Lấy contentID
		setContentId(String paramString)	Gán ContentID
		getContentType()	Lấy kiểu Content
		setContentType(String paramString)	Gán kiểu Content
		String getAttachmentName()	Lấy tên file đính kèm
		setAttachmentName(String paramString)	Gán tên file đính kèm
19	com.vpcp.xml.status.Status	Header getHeader()	Lấy đối tượng Header
		setHeader(Header paramHeader)	Gán đối tượng Header
20	com.vpcp.xml.status.header.MessageStatus	ResponseFor getResponseFor()	Lấy đối tượng ResponseFor
		setResponseFor(ResponseFor paramResponseFor)	Gán đối tượng ResponseFor
		Organization getFrom()	Lấy đơn vị gửi
		setFrom(Organization paramOrganization)	Gán đơn vị gửi
		String getStatusCode()	Lấy mã trạng thái

STT	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		setStatuscode(String paramString)	Gán mã trạng thái
		String getDescription()	Lấy mô tả
		setDescription(String paramString)	Gán mô tả
		Date getTimestamp()	Lấy thời gian thực hiện
		setTimestamp(Date paramDate)	Gán thời gian thực hiện
		StaffInfo getStaffInfo()	Lấy thông tin người xử lý văn bản
		setStaffInfo(StaffInfo paramStaffInfo)	Gán thông tin người xử lý văn bản
		IMessageHeader fromContent(Element paramElement)	Lấy Header của gói tin status
21	com.vpcp.xml.status.parser.StatusXmlParser	Header parseHeader(InputStream paramInputStream)	Lấy Header từ gói tin Status
		Status parse(InputStream paramInputStream)	Tạo đối tượng Status từ file EdXml

II. Danh sách các phương thức thư viện EdXML phiên bản.NET

	Tên gói	Phương thức	Mục đích
1	EdXML102.EdXml102	ToFile(string path)	Tạo file edxml từ đối tượng EdXml102
		FromFile(string filepath)	Đọc file edxml từ đối file có sẵn sang đối tượng EdXml102
		WithFileAttachList(FileAttach[] fileAttachList)	Gán giá trị FileAttach cho đối tượng
		WithFrom(Header.From from)	Gán giá trị From cho đối tượng
		WithToList(Header.To[] toList)	Gán giá trị To cho đối tượng
		WithDocumentId(DocumentId documentId)	Gán giá trị DocumentId cho đối tượng
		WithCode(Header.Code code)	Gán giá trị Code cho đối tượng
		WithSubject(Subject subject)	Gán giá trị Subject cho đối tượng
		WithContent(Content content)	Gán giá trị Content cho đối tượng
		WithSignerInfo(Header.SignerInfo signerInfo)	Gán giá trị SignerInfo cho đối tượng
		WithDueDate(DueDate responseDate)	Gán giá trị DueDate cho đối tượng
		WithToPlaces(ToPlaces toPlaces)	Gán giá trị ToPlaces cho đối tượng
		WithOtherInfo(Header.OtherInfo otherInfo)	Gán giá trị OtherInfo cho đối tượng

	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		WithSender(Header.Sender sender)	Gán giá trị Sender cho đối tượng
		WithReceiverList(Header.Receiver[] receiverList)	Gán giá trị Receiver cho đối tượng
		WithTimestamp(Timestamp timestamp)	Gán giá trị Timestamp cho đối tượng
		WithTraceHeaderList(Header.TraceHeaderList traceHeaderList)	Gán giá trị TraceHeaderList cho đối tượng
2	EdXML102.Header.From	WithOrganId(string organId)	Gán giá trị OrganID cho đối tượng From
		WithOrganizationInCharge(string organizationInCharge)	Gán giá trị OrganizationInCharge cho đối tượng From
		WithOrganName(string organName)	Gán giá trị OrganName cho đối tượng From
		WithOrganAdd(string organAdd)	Gán giá trị OrganAdd cho đối tượng From
		WithEmail(string email)	Gán giá trị Email cho đối tượng From
		WithTelephone(string telephone)	Gán giá trị Telephone cho đối tượng From
		WithFax(string fax)	Gán giá trị Fax cho đối tượng From
		WithWebsite(string website)	Gán giá trị Website cho đối tượng From
3	EdXML102.Header.To	WithOrganId(string organId)	Gán giá trị OrganID cho đối tượng To
		WithOrganizationInCharge(string organizationInCharge)	Gán giá trị OrganizationInCharge cho đối tượng To
		WithOrganName(string organName)	Gán giá trị OrganName cho đối tượng To
		WithOrganAdd(string organAdd)	Gán giá trị OrganAdd cho đối tượng To
		WithEmail(string email)	Gán giá trị Email cho đối tượng To
		WithTelephone(string telephone)	Gán giá trị Telephone cho đối tượng To
		WithFax(string fax)	Gán giá trị Fax cho đối tượng To
		WithWebsite(string website)	Gán giá trị Website cho đối tượng To
4	EdXML102.Header. Code	WithNumber(string number)	Gán giá trị Number cho đối tượng Code
		WithNotation(string notation)	Gán giá trị Notation cho đối tượng Code
5	EdXML102.Header. Document	WithType(string type)	Gán giá trị Type cho đối tượng Document
		WithName(string name)	Gán giá trị Name cho đối tượng Document
		WithDetail(int detail)	Gán giá trị Detail cho đối tượng Document
6	EdXML102.Header. OtherInfo	WithPriority(int priority)	Gán giá trị Priority cho đối tượng OtherInfo
		WithSphereOfPromulgation(string sphereOfPromulgation)	Gán giá trị SphereOfPromulgation cho đối tượng OtherInfo

	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		WithTypeNotation(string typerNotation)	Gán giá trị TyperNotation cho đối tượng OtherInfo
		WithPromulgationAmount(int promulgationAmount)	Gán giá trị PromulgationAmount cho đối tượng OtherInfo
		WithPageAmount(int pageAmount)	Gán giá trị PageAmount cho đối tượng OtherInfo
		WithAppendixes(string[] appendixes)	Gán giá trị Appendixes cho đối tượng OtherInfo
7	EdXML102.Header. Promulgation	WithPlace(string place)	Gán giá trị Place cho đối tượng Promulgation
		WithDate(DateTime date)	Gán giá trị Date cho đối tượng Promulgation
8	EdXML102.Header. SignerInfo	WithCompetence(string competence)	Gán giá trị Competence cho đối tượng SignerInfo
		WithPosition(string position)	Gán giá trị Position cho đối tượng SignerInfo
		WithFullName(string fullName)	Gán giá trị FullName cho đối tượng SignerInfo
9	EdXML102.Header. ToPlaces	WithPlace(string[] places)	Gán giá trị Place cho đối tượng ToPlaces
10	EdXML102.Header. Sender	WithOrgaId(string orgaId)	Gán giá trị OrgaID cho đối tượng Sender
		WithOrganizationInCharge(string organizationInCharge)	Gán giá trị OrganizationInCharge cho đối tượng Sender
		WithOrgaName(string orgaName)	Gán giá trị OrgaName cho đối tượng Sender
		WithOrgaAdd(string orgaAdd)	Gán giá trị OrgaAdd cho đối tượng Sender
		WithEmail(string email)	Gán giá trị Email cho đối tượng Sender
		WithTelephone(string telephone)	Gán giá trị Telephone cho đối tượng Sender
		WithFax(string fax)	Gán giá trị Fax cho đối tượng Sender
		WithWebsite(string website)	Gán giá trị Website cho đối tượng Sender
11	EdXML102.Header. Receiver	WithOrgaId(string orgaId)	Gán giá trị OrgaID cho đối tượng Receiver

	Tên gói	Phương thức	Mục đích
		WithOrganizationInCharge(string organizationInCharge)	Gán giá trị OrganizationInCharge cho đối tượng Receiver
		WithOrganName(string organName)	Gán giá trị OrganName cho đối tượng Receiver
		WithOrganAdd(string organAdd)	Gán giá trị OrganAdd cho đối tượng Receiver
		WithEmail(string email)	Gán giá trị Email cho đối tượng Receiver
		WithTelephone(string telephone)	Gán giá trị Telephone cho đối tượng Receiver
		WithFax(string fax)	Gán giá trị Fax cho đối tượng Receiver
		WithWebsite(string website)	Gán giá trị Website cho đối tượng Receiver
12	EdXML102.Attachment.FileAttach	WriteFile(string filePath)	Lưu file đọc được từ file edxml
		ReadFile(string filePath, string originalName, string contentId, string tempPath)	Đọc file để gán giá trị vào đối tượng edxml